

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
ĐỒNG KHỔ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÓM : NGŨ VĂN 7
(CÔ TRẦN THỊ TRUNG HẬU)
TUẦN 1

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC NGŨ VĂN 7

NỘI DUNG Tên bài học/ chủ đề	YÊU CẦU TÌM HIỂU								
<i>KHÁI QUÁT CHƯƠNG TRÌNH NGŨ VĂN 7 VÀ HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC</i>	<u>HOẠT ĐỘNG 1: Tìm hiểu khái quát chương trình SGK Ngữ văn 7</u> - Ấn tượng đầu tiên của em về cuốn sách ra sao? - Các em cho cô biết sách giáo khoa Ngữ văn 7 gồm bao nhiêu bài học? Đã bạn nào đọc và tìm hiểu qua chưa? - Em thích thú với bài nào nhất? Vì sao? - Em có thể kể tên những bài học mà em yêu thích không? - Hãy kể tên các bài học vào phiếu học tập: <table border="1" data-bbox="573 1010 1255 1234"> <thead> <tr> <th>Tên chủ đề/bài học</th><th>Các bài liên quan</th></tr> </thead> <tbody> <tr><td> </td><td> </td></tr> <tr><td> </td><td> </td></tr> <tr><td> </td><td> </td></tr> </tbody> </table> Hoạt động 2. Phương pháp học tập môn Ngữ văn 7 <u>1. Các phương pháp học tập:</u> -Đọc – hiểu văn bản: Đọc nhanh, gạch dưới từ khóa để: phát hiện => giải mã => bình giá => suy luận -Tiếng việt: Nắm vững khái niệm => vận dụng giải bài tập => Đọc văn, viết văn -Làm văn: Đọc kĩ đề => tìm ý, dàn ý => vận dụng các kĩ năng để làm bài <u>2. Yêu cầu:</u> - Chuẩn bị bài - Giải bài tập	Tên chủ đề/bài học	Các bài liên quan						
Tên chủ đề/bài học	Các bài liên quan								

	- Học bài cũ - Chuẩn bị những vấn đề cần trao đổi với thầy, cô trên lớp + Sử dụng Sổ tay Ngữ văn + Sưu tầm video clip, tranh ảnh, bài hát về bài học + Tạo nhóm thảo luận môn học + Làm thẻ thông tin + Thực hiện các sản phẩm sáng tạo + Câu lạc bộ đọc sách * Hướng dẫn cách đọc: - Trước khi học, cần đọc kĩ mục <i>Yêu cầu cần đạt</i> để: định hướng cách học trước khi học; tự kiểm soát mức độ đạt được các yêu cầu cần đạt sau khi học xong. - Phần <i>Tri thức đọc hiểu, tri thức tiếng Việt</i>: cung cấp những tri thức, giúp đọc văn bản hiệu quả. - Trả lời câu hỏi ở phần <i>Chuẩn bị đọc</i> trước khi đọc để tìm hiểu văn bản tốt hơn. - Trong khi đọc, trả lời những câu hỏi trong văn bản để tự kiểm soát việc hiểu của mình, đồng thời hiểu rõ các chi tiết quan trọng của văn bản. - Sau khi đọc văn bản, trả lời các câu hỏi của phần <i>Suy ngẫm và phản hồi</i> để đạt được yêu cầu cần đạt của bài học. * Hướng dẫn lập Hồ sơ học tập: - Khái niệm: Là tập tài liệu về sản phẩm được lựa chọn một cách có chủ đích của người học trong quá trình học, được sắp xếp có chủ đích, hệ thống. - Sản phẩm có thể lưu trữ trong Hồ sơ học tập: + Các bài làm, bài kiểm tra, bài báo cáo, ghi chép ngắn, phiếu học tập, sơ đồ. + Các báo cáo, bài tập, kế hoạch, tập san. + Các hình ảnh, âm thanh, ... HOẠT ĐỘNG 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học HS có thể hoàn thành các yêu cầu trên ra phiếu học tập, lưu lại trong Hồ sơ học tập của mình. Thành lập Câu lạc bộ đọc sách, phân công nhiệm vụ, chọn sách, lên kế hoạch đọc sách.
--	---

**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
TUẦN 1 :**

NỘI DUNG	YÊU CẦU TÌM HIỂU
Tên bài học/ chủ đề	

CHỦ ĐỀ: GIA ĐÌNH VÀ NHÀ TRƯỜNG BÀI 1 : CÔNG TRƯỜNG MỞ RA	<u>Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</u> <u>Đọc văn bản Cổng trường mở ra</u> Lưu ý: + <i>Em hãy đọc nhiều lần.</i> + <i>Đọc cả phần chú thích</i> <i>(HS có thể Sưu tầm, tìm hiểu và tập hợp tư liệu về tác giả Lí Lan và văn bản Cổng trường mở ra)</i> - Trình bày hiểu biết của em về tác giả Lí Lan - Văn bản Cổng trường mở ra: - Văn bản được viết theo phương thức biểu đạt nào? - Nhân vật chính của truyện là ai? - Cho biết kiểu văn bản. - Truyện có bố cục mấy phần? Người mẹ nghĩ đến con trong thời điểm nào? tâm trạng của mẹ ra sao? - Vì sao mẹ trần trọc không ngủ được? - Cảm nhận của em về tình mẫu tử? - Trong tâm trí mẹ sống lại kỉ niệm nào?(bà ngoại dắt mẹ vào lớp 1.) - Trong đêm không ngủ, người mẹ đã nghĩ về điều gì? - Câu nói: Bước qua cánh cổng trường là một thế giới kì diệu sẽ mở ra” có ý nghĩa gì? - em hãy viết một bài văn ngắn nêu cảm nghĩ của em về ngày đầu tiên đi học. <u>Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</u> HS có thể hoàn thành các yêu cầu trên ra phiếu học tập hoặc sơ đồ tư duy. Lưu lại trong Hồ sơ học tập của mình.
---	---

BÀI 2 : MẸ TÔI	<u>Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</u> <u>Đọc văn bản Mẹ tôi</u> Lưu ý: + <i>Em hãy đọc nhiều lần.</i> + <i>Đọc cả phần chú thích</i> <i>(HS có thể Sưu tầm, tìm hiểu và tập hợp tư liệu về tác giả E. Amixi và văn bản Mẹ tôi)</i> - Nêu những hiểu biết về tác giả E Amixi ? - Nêu xuất xứ văn bản? -Văn bản được viết theo phương thức biểu đạt nào? - Truyện gồm mấy nhân vật? -Truyện có bố cục gồm mấy phần? - Vì sao tác giả lại lấy nhan đề “Mẹ tôi” ? - Thái độ của bố thể hiện như thế nào qua bức thư? - Lí do nào khiến bố có thái độ như vậy? - Thái độ ấy được thể hiện qua những lời lẽ cụ thể nào? - Trong VB có h/ả, chi tiết nào nói về mẹ En-ri-cô? Qua đó em hiểu mẹ En-ri-cô là người như thế nào? - Thái độ của En-ri-cô ntn? Lí do nào khiến cậu bé xúc động? <i>(Vì bố gợi lại những kỉ niệm của mẹ)</i> - Qua nội dung bài học em nêu vài nét về nội dung và nghệ thuật của văn bản - Viết bài văn kể lại một kỉ niệm sâu sắc nhất về mẹ của em. <u>Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</u> HS có thể hoàn thành các yêu cầu trên ra phiếu học tập hoặc sơ đồ tư duy. Lưu lại trong Hồ sơ học tập của mình.
------------------------------	--

BÀI 3 : CUỘC CHIA TAY CỦA NHỮNG CON BÚP BÊ.	<u>Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</u> <u>Đọc văn bản Cuộc chia tay của những con búp bê.</u> Lưu ý: + <i>Em hãy đọc nhiều lần.</i> + <i>Đọc cả phần chú thích</i> <i>(HS có thể Sưu tầm, tìm hiểu và tập hợp tư liệu về tác giả Khánh Hoài và văn bản Cuộc chia tay của những con búp bê)</i> - Nêu những hiểu biết về tác giả Khánh Hoài ? - Nêu xuất xứ văn bản? -Văn bản được viết theo phương thức biểu đạt nào? - Truyện gồm mấy nhân vật? -Truyện có bố cục gồm mấy phần? Nội dung từng phần? - Nhân vật chính trong truyện là ai? - VB được viết theo phương thức nào? - Truyện được kể theo ngôi thứ mấy? - Búp bê có ý nghĩa như thế nào với Thành và Thuỷ? - Vì sao lại phải chia búp bê? - Tâm trạng của Thành và Thuỷ ntn? - H/ả hai con búp bê luôn đứng cạnh nhau mang ý nghĩa gì? - Tại sao khi đến trường học Thuỷ lại “ bật lên khóc thút thít”? - Thái độ của cô giáo và các bạn cùng lớp ra sao? - Cảm nghĩ của em trước cuộc chia tay đầy nước mắt này? - Tại sao Thành “ kinh ngạc thấy mọi người vẫn đi lại bình thường và nắng vẫn vàng ươm trùm lên cảnh vật” ? - Em nghĩ gì, làm gì nếu chứng kiến cuộc chia tay của Thuỷ với lớp học? - H/ả Thuỷ lúc chia tay Thành hiện lên ntn? ý nghĩa của chi tiết đó? - Thuỷ không muốn để hai con búp bê xa nhau có ý nghĩa gì? - Văn bản này muốn gửi thông điệp gì đến cho người đọc? - Theo em, có cách nào tránh được nỗi đau không đáng có như Thành và Thuỷ? -Em nêu vài nét về nội dung và nghệ thuật của văn bản <u>Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</u> HS có thể hoàn thành các yêu cầu trên ra phiếu học tập hoặc sơ đồ tư duy. Lưu lại trong Hồ sơ học tập của mình.
---	--

HS GHI CHÉP CÁC CÂU HỎI THẮC MẮC, CÁC TRỞ NGẠI KHI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ HỌC TẬP VÀ GỬI VỀ CHO GIÁO VIÊN GIẢNG DẠY

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Toán	Mục A: Phần B:	1. 2. 3.
Lý		

BÀI HỌC THAM KHẢO

TUẦN 1:

VĂN BẢN : CÔNG TRƯỜNG MỞ RA

I. Đọc – Hiểu chú thích:

1. Tác giả: Lí Lan

- Lí Lan sinh ngày 16 tháng 7, 1957 tại Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. ...
- Từ năm 1980 Lí Lan bắt đầu dạy ở trường Trung học Cần Giuộc (Long An), năm 1984 chuyển về trường Trung học Hùng Vương, Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 1991 chuyển qua trường Trung học Lê Hồng Phong, năm 1995 sang dạy ở Đại học Văn Lang đến năm 1997 thì nghỉ dạy.

Tác phẩm nổi bật: Tùy bút Công trường mở ra

2. Tác phẩm : bút kí.

3. Phương thức biểu đạt: Biểu cảm.

3. Bố cục văn bản: 2 phần.

+ Phần 1. Từ đầu -> mẹ vừa bước vào: Nỗi lòng thương yêu của mẹ.

+ Phần 2. còn lại: Cảm nghĩ của mẹ về vai trò của xã hội và nhà trường

II. Văn bản Công trường mở ra: (Hs ghi bài hết phần II)

1. Nỗi lòng người mẹ:

- Đêm trước ngày con vào lớp 1, mẹ không ngủ được. Tâm trạng hồi hộp, lo lắng, sung sướng, hi vọng.

+ Mừng vì con đã lớn.

+ Hi vọng những điều tốt đẹp...

+ Thương yêu con...

-> Đức hi sinh thầm lặng của mẹ, con là tương lai của mẹ.

- Dùng nhiều từ láy: rạo rạo, băng khuâng, xao xuyến. => gợi tả cảm xúc phức tạp trong lòng mẹ: vui, nhớ, thương -> giàu tình cảm.

2. Cảm nghĩ của mẹ về giáo dục trong nhà trường.

- Ngày khai trường là ngày lễ của toàn xã hội.
- Không có ưu tiên nào lớn hơn ưu tiên giáo dục thế hệ trẻ cho tương lai
- Giáo dục quyết định tương lai của một đất nước.
- “Ai cũng biết rằng mỗi sai lầm.....hàng dặm sau này” Khẳng định vai trò to lớn của nhà trường đối với con người.
- Điều kì diệu sau cánh cổng: tri thức, tình cảm tư tưởng đạo lí, tình bạn....

III. Tổng kết:

Ghi nhớ (Sgk/ 9)

VĂN BẢN : MẸ TÔI.

I. Đọc- Hiểu chú thích:

1. **Tác giả:** ét-môn-đơ đơ A-mi-xi
 - Sinh (1846-1908)
 - Nhà văn ý. Viết chủ yếu truyện ngắn.
2. **Tác phẩm:** trích trong “ Những tâm lòng cao cả” năm 1880.

II. .Văn bản: Cổng trường mở ra: (Hs ghi bài hết phần II)

- Có 3 nhân vật: Cha, mẹ, tôi.:
- Nhân vật chính là người cha.
- Mẹ là tiêu điểm mà các nhân vật và các chi tiết đều hướng tới để làm sáng tỏ.

1. Bức thư và thái độ của bố:

- Thái độ của bố: buồn bã, tức giận và hết sức đau lòng, thất vọng.
- Vì En-ri-cô thiếu lễ độ với mẹ.
- Lời lẽ vừa dứt khoát, vừa mềm mại, thể hiện lòng yêu con, căm ghét sự bội bạc.

2. Hình ảnh người mẹ:

- Dành hết tình thương cho con.
- Quên mình vì con, sẵn sàng hi sinh cuộc đời cho con.
- > Tình cảm sâu sắc thương tế nhị và kín đáo, viết thư không làm người mắc lỗi mất đi lòng tự trọng. Bài học về cách ứng xử của con người.

III. Tổng kết: Ghi nhớ (Sgk- 12)

1 Nội dung:

- Tâm tư tình cảm buồn khổ và thái độ nghiêm khắc của người cha trước lỗi lầm của con.
- Tình cảm thiêng liêng sâu nặng của cha mẹ đối với con cái và con cái đối với cha mẹ.

2 Nghệ thuật:

- Lập luận chặt chẽ, lời lẽ chân thành, giản dị, giàu cảm xúc, có sức thuyết phục cao.

VĂN BẢN : CUỘC CHIA TAY CỦA NHỮNG CON BÚP BÊ

I. Đọc – Hiểu chú thích:

1. Tác giả: Khánh Hoài.

2. Tác phẩm: Đoạt giải nhì trong cuộc thi thơ-văn viết về quyền trẻ em do viện khoa học Giáo dục và Tổ chức cứu trợ trẻ em Thụy Điển tổ chức.

3. Kể tóm tắt.

Thành và Thủy là hai anh em hết mực yêu thương nhau nhưng lại phải chia tay nhau vì bố mẹ họ ly dị. Trước khi chia tay, hai anh em chia đồ chơi cho nhau. Thành nhường hết đồ chơi cho em. Thủy sợ anh lại gặp ác mộng, chia cho anh con búp bê Vệ Sĩ để nó canh giấc ngủ cho anh, còn em nhận lấy con Em nhỏ. Hai anh em còn đến trường để Thủy chia tay với cô giáo và bạn bè. Cô giáo tặng Thủy một quyển sổ và một chiếc bút máy nắp vàng nhưng em không dám nhận vì mẹ đã sắm cho em một thúng hoa quả để ra chợ ngồi bán. Trước khi chia tay, Thủy suy nghĩ lại, đã đưa luôn cho anh con búp bê Em Nhỏ, để hai con búp bê không bao giờ phải xa nhau như Thành và Thủy.

4. Bố cục: 3 phần.

- P1. từ đầu->... đến trường một lát :Tâm trạng Thành- Thủy trong đêm trước và sáng hôm sau khi mẹ giục chia đồ chơi.

- P2 Tiếp -> ...trùm lên cảnh vật: Thành đưa Thủy đến lớp chào và chia tay cô giáo cùng các bạn.

- P3. Còn lại: Cuộc chia tay đột ngột ở nhà.

II. Tìm hiểu văn bản : (HS ghi hết phần II)

1. Cuộc chia búp bê:

- Búp bê là đồ chơi của trẻ thơ cũng giống anh em Thành – Thủy trong sáng, vô tư, không có tội lỗi gì.

- Bố mẹ li hôn, hai anh em phải xa nhau. -> Chia đôi búp bê.

- Thành – Thủy buồn khổ, đau xót, bất lực.

- Tình anh em bền chặt không gì có thể chia rẽ.

2. Cuộc chia tay với lớp học.

- Trường học là nơi ghi khắc những niềm vui của Thủy.

- Thủy phải xa mái nơi này và không còn được đi học.

- Cô giáo và bạn bè đồng cảm , xót thương.

➔ Oán ghét cảnh gia đình chia lìa.

- Thành cảm nhận được sự bất hạnh của hai anh em. Cảm nhận sự cô đơn trước sự vô tình của người và cảnh.

3. Cuộc chia tay của hai anh em.

Thủy là một cô bé có:

- Tâm lòng nhân hậu.

- Tâm hồn trong sáng, nhạy cảm.

- Thấm thiết nghĩa tình với anh trai.

- Chịu nỗi đau không đáng có.
- Lời nhắn nhủ không được chia rẽ anh em.

4.. Thông điệp của truyện.

- Không thể đẩy trẻ em vào tình cảnh bất hạnh .
- Các bậc cha mẹ, người lớn và xã hội: Hãy chú ý chăm lo và bảo vệ hạnh phúc của trẻ em.

III. Tổng kết : Ghi nhớ (sgk- 27)

1 Nội dung:

Cuộc chia tay đau đớn và đầy cảm động của hai em bé trong truyện khiến người đọc thấm thía được rằng: Tổ ấm gia đình là vô cùng quý giá và quan trọng. Mọi người hãy cố gắng bảo vệ và giữ gìn, không nên vì bất kỳ lý do gì làm tổn hại đến những tình cảm tự nhiên, trong sáng ấy.

2 Nghệ thuật:

- NT kể chọn ngôi thứ nhất chân thật và cảm động.
- Các sự việc được kể theo trình tự thời gian và phù hợp với tâm lí trẻ em.

UBND QUẬN 1
TRƯỜNG THCS ĐỒNG KHÔI
NHÓM : NGŨ VĂN 7 (CÔ TRẦN THỊ TRUNG HẬU)

TUẦN 2

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

NỘI DUNG Tên bài học/ chủ đề	YÊU CẦU TÌM HIỂU
CHỦ ĐỀ : TẠO LẬP VĂN BẢN BÀI 1: LIÊN KẾT TRONG VĂN BẢN	<u>Hoạt động 1: Liên kết và phương tiện liên kết trong văn bản:</u> <u>1/ Liên kết trong văn bản:</u> HD HS tự học, giải quyết vấn đề, sử dụng ngôn ngữ. - Gọi HS đọc và quan sát ví dụ trang 17 sgk. ? Nếu chỉ đọc mấy câu như vậy theo em En-ri-Cô đã hiểu bố muốn nói gì chưa? (Cặp đôi) ? Tại sao? - En-ri-cô sẽ không hiểu rõ ý của bố mình -> Vì: Nội dung ,ý nghĩa chưa rõ ràng, các câu sắp xếp tùy tiện, sai ngữ pháp. ? Đối chiếu với bản gốc xem đoạn văn thiếu những gì? - Thiếu: “việc...vậy”; “nhớ lại...với con”; “ con mà...ư?”; “hãy ...với mẹ” ? Muốn hiểu được rõ ràng đoạn văn ta phải làm gì? - Tại sao? (TL cặp đôi) - Để hiểu rõ phải có từ để kết nối - >Đề câu có nghĩa ? Vậy qua tìm hiểu em hiểu gì về tính liên kết trong vb? - Liên kết là một trong những tính chất quan trọng của văn bản, làm cho văn bản trở nên có nghĩa và dễ hiểu. <u>2/ Phương tiện liên kết trong văn bản:</u> - Gọi HS đọc và quan sát ví dụ trang 18 sgk. Y/c H đọc vd b/tr18 ? Hãy trở lại vb “ Công trường mở ra” đối chiếu 2 đoạn văn và so sánh? ? Nếu chỉ đọc đ.văn/tr18 đã thấy được sự thống nhất trong chuyển đổi tâm trạng chưa?

	- Đoạn văn gốc có sự kết nối bằng từ, cụm từ.. - Đoạn văn /tr18 không có => Nội dung chưa thống nhất ? Để các câu thống nhất và gắn bó chặt chẽ với nhau, người viết phải làm gì? - Để câu có nội dung chặt chẽ phải có các ý, các câu, các đoạn liên kết với nhau ? Tại sao do chỉ sót từ “ còn bây giờ” và chép nhầm từ “con” thành từ “ đứa trẻ” mà câu văn lại rời rạc? - Từ ngữ là một trong hình thức ngôn ngữ quan trọng phải dùng cho chính xác, thích hợp ? Muốn tạo hiệu quả trong giao tiếp , người nói, người viết phải sử dụng những phương tiện ngôn ngữ nào? ? Tác dụng? - Phương tiện ngôn ngữ thường sử dụng từ, câu, đoạn -> Tạo nội dung các câu cho phù hợp, các đoạn thống nhất, gắn bó, chặt chẽ với nhau * Ghi nhớ sgk/tr18:hs đọc <u>Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</u> HS có thể hoàn thành các yêu cầu trên ra phiếu học tập hoặc sơ đồ tư duy. Lưu lại trong Hồ sơ học tập của mình <u>Hoạt động 3: Luyện tập.</u> * BT1: Các câu được sắp xếp theo thứ tự: 1-4-2-5-3 * BT2 - Chưa liên kết về hình thức - ND, ý nghĩa không thống nhất * BT3 - Điền lần lượt: bà, bà, cháu, bà, cháu, cháu, thế là * BT 4 - Hình thức: Nếu tách khỏi vb thì 1 câu nói về mẹ, 1 câu nói về con -Nội dung: VB không chỉ có câu 2 mà còn có câu 3- là câu nối kết 2 câu tạo sự liên kết chặt chẽ		
BÀI 2: BỐ CỤC TRONG VĂN BẢN	<u>Hoạt động 1: Bố cục và những yêu cầu về bố cục trong văn bản</u> <u>1/ Bố cục của văn bản:</u> HS đọc yêu cầu trang 28 sgk. ? Em có thể chấp nhận cách sắp xếp nội dung của 2 lá đơn dưới đây được không? Vì sao? <table border="1"> <tr> <td>Lá đơn thứ nhất</td> <td>Lá đơn thứ 2</td> </tr> </table>	Lá đơn thứ nhất	Lá đơn thứ 2
Lá đơn thứ nhất	Lá đơn thứ 2		

	- Lí do xin vào đội - Họ tên, nơi ở, học trường nào - Lời hứa khi được kết nạp.	- Họ tên, nơi ở, học trường nào - Lời hứa khi được kết nạp. - Lí do xin vào đội
	- Không chấp nhận 2 cách sắp xếp -> Vì: Các phần của lá đơn không được sắp xếp theo một trật tự phù hợp với yêu cầu của một văn bản hành chính ? Nếu em không chấp nhận cách sắp xếp như vậy, hãy đưa ra cách sắp xếp mà em cho là hợp lí hơn? Sắp xếp theo trình tự: - Họ tên, nơi ở, học trường nào - Lí do xin vào đội - Lời hứa khi được kết nạp. => Cần sắp xếp theo một trật tự hợp lí ? Vậy nội dung một lá đơn cần được sắp xếp như thế nào? - GV: Sự sắp đặt nội dung các phần trong văn bản theo một trình tự hợp lí được gọi là bố cục. ? Vì sao khi xây dựng văn bản, cần phải quan tâm tới bố cục? - Bố cục sẽ giúp văn bản trở lên rõ ràng, rành mạch -> Người đọc dễ theo dõi, dễ hiểu ? Vậy bố cục là gì? - GVN -> Ghi nhớ chấm 1 <u>2/ Những yêu cầu về bố cục trong văn bản:</u> - Đọc 2 câu chuyện - GV cho HS đọc và suy nghĩ trong 1 phút. a. Mỗi câu chuyện gồm mấy đoạn văn. Nội dung của mỗi đoạn văn ấy có tương đối thống nhất không? ý của các đoạn văn có phân biệt với nhau tương đối rõ ràng không? - Mỗi câu chuyện có 2 đoạn văn. Nội dung của các đoạn không thống nhất. ý của các đoạn không phân biệt rõ ràng b. Cách kể chuyện như vậy bất hợp lí ở chỗ nào? * Sự bất hợp lí: - "VB" 1: Kể chuyện ếch nghênh ngang đi lại, nhâng nháo nhìn trời trước, ếch ở trong giếng sau Kể ếch bị trâu dẫm bẹp không gắn với việc nó đi lại nghênh ngang mà lại đưa xuống cuối cùng và thêm vào một chi tiết lạc lõng " Từ đấy, trâu trở thành bạn của nhà nông"	

	- "VB' 2: Kể chuyện anh khoe áo mới trước, anh khoe lợn cưới sau. c. Theo em, nên sắp xếp bố cục của 2 câu chuyện trên như thế nào? ? So sánh 2 cách sắp xếp giữa 2 câu chuyện trong SGK ngữ văn 7 với 2 văn bản: <i>Ếch ngồi đáy giếng</i> và <i>Lợn cưới, áo mới</i> (Sách ngữ văn 6 tập 1), em thấy cách sắp xếp nào nêu bật được ý nghĩa phê phán và có tác dụng gây cười hơn? <i>Nên sắp xếp bố cục 2 câu chuyện trên như 2 văn bản: Ếch ngồi đáy giếng và lợn cưới, áo mới (Sách ngữ văn 6 tập 1)</i> -> Hai văn bản: <i>Ếch ngồi đáy giếng</i> và <i>Lợn cưới, áo mới</i> (Sách ngữ văn 6 tập 1) nêu bật được ý nghĩa phê phán và gây cười ? Vậy bố cục hợp lí có tác dụng gì? => <i>Bố cục hợp lí để giúp văn bản đạt mức cao nhất mục đích giao tiếp mà người tạo lập đặt ra</i> <u>3/ Các phần của bố cục:</u> ? Thông thường một bài văn các em thường làm có bố cục mấy phần? Đó là các phần nào? - Bố cục 3 phần: Mở bài, thân bài, kết bài. ? Nêu nhiệm vụ của 3 phần mở bài, thân bài, kết bài trong văn bản miêu tả và văn tự sự? * Văn tự sự: - Mở bài: Giới thiệu chung về nhân vật và sự việc - Thân bài: kể diễn biến của sự việc - Kết bài: kể kết cục của sự việc * Văn miêu tả: - Mở bài: Giới thiệu đối tượng được tả(cảnh, người, đồ vật, con vật, cây cối) - Thân bài: Tập trung tả chi tiết theo một thứ tự hợp lí - Kết bài: Phát biểu cảm tưởng về đối tượng được miêu tả. ? Có cần phân biệt nhiệm vụ của mỗi phần không? Vì sao? + Có (<i>giúp văn bản trở nên rành mạch hợp lí.</i>) ? Có bạn nói rằng phần mở bài chỉ là sự tóm tắt, rút gọn của phần thân bài, còn phần kết bài chẳng qua chỉ là sự lặp lại một lần nữa của mở bài. Nói như vậy có đúng không? Vì sao? + Không. Vì: - Mở bài không đơn thuần là sự thông báo đề tài của văn bản mà còn phải cố gắng làm cho người đọc người nghe
--	---

	có thể đi vào đề tài đó một cách dễ dàng, tự nhiên, hứng thú và ít nhiều hình dung được các bước đi của bài. - Kết bài không chỉ có nhiệm vụ nhắc lại đề tài hay đưa ra những lời hứa hẹn, nêu cảm tưởng ... mà phải làm cho văn bản để lại được ấn tượng tốt đẹp cho người đọc, người nghe. ? Một bạn khác lại cho rằng, nội dung chính của việc miêu tả, tự sự và cả đơn từ nữa được dồn cả vào phần thân bài nên mở bài và kết bài là những phần không cần thiết lắm. Em có đồng ý với ý kiến đó không? + Không. Vì mở bài và kết bài có nhiệm vụ riêng làm cho bài văn trở nên hoàn chỉnh rành mạch và hợp lí. ? Có phải cứ chia bài văn thành 3 phần mở bài, thân bài, kết bài là bố cục của nó sẽ tự nhiên trở nên rành mạch hợp lí không? + Không. vì phải biết cách viết mở bài cho ra mở bài, thân bài đúng là thân bài, kết bài thật sự là một kết bài đích thực thì bài văn mới trở nên rõ ràng, rành mạch được. ? Vậy bố cục của 1 vb thường gặp là gì? - GV NX -> Ghi nhớ ý 3 <u>Hoạt động 2: Luyện tập.</u> <u>Bài tập 1</u> VD: Khi kể một câu chuyện em gặp trên đường đi học về cho mẹ nghe Khi trình bày một bài nói trong tiết luyện nói Khi khuyên bạn của mình không nên làm việc xấu <u>Bài tập 2</u> Bố cục 3 phần: - Phần I: Từ đầu... hiểu thảo như vậy -> Chia búp bê - Phần II: Tiếp ... trèo lên cành vậ -> Chia tay lớp học - Phần III: còn lại -> chia tay anh em Có thể kể lại câu chuyện theo một bố cục khác miễn là đảm bảo sự rành mạch hợp lí.
BÀI 3: MẠCH LẠC TRONG VĂN BẢN	<u>Hoạt động 1: Mạch lạc và những yêu cầu về mạch lạc trong văn bản</u> <u>1/ Mạch lạc trong văn bản:</u> ? Em hãy tìm hiểu nghĩa của từ mạch lạc trong đông y - Trôi chảy thành dòng, thành mạch. ? Vậy mạch lạc trong văn bản có những tính chất gì? Mạch lạc trong văn bản có những tính chất - Trôi chảy thành dòng, thành mạch - Tuần tự đi qua khắp các phần, các đoạn trong văn bản. - Thông suốt, liên tục không đứt đoạn

	? Vậy ngoài yêu cầu về bố cục, trong một văn bản còn có yêu cầu gì khác? * Ghi nhớ ý 1 SGK/32 <u>2/ Các điều kiện để văn bản có tính mạch lạc:</u> HS xét ví dụ sgk/31 ? Em hãy xác định chủ đề của văn bản "Cuộc chia tay của những con búp bê"? Chủ đề: Cuộc chia tay đau đớn của hai anh em bất hạnh do sự thiếu trách nhiệm của bố mẹ. ? Các sự việc: mẹ bắt 2 con phải chia đồ chơi, hai anh em Thành, Thủy rất thương nhau; chuyện về 2 con búp bê, Thành đưa em đến lớp chào cô giáo và các bạn; hai anh em chia tay nhau, Thủy để lại cả 2 con búp bê cho Thành... có xoay quanh chủ đề của truyện không? - GV: Các sự việc đều xoay quanh chủ đề câu chuyện -> chủ đề xuyên suốt vào các chi tiết, sự việc trong chuyện Các sự việc đều xoay quanh chủ đề câu chuyện. ? Hai anh em Thành và Thủy đóng vai trò gì trong truyện? - Thành và Thủy : nhân vật chính trong truyện, đóng vai trò chủ yếu trong việc thể hiện chủ đề của văn bản ? Các từ ngữ: <i>chia tay, chia đồ chơi, chia ra, chia rẽ, xa nhau, khóc...</i> cứ lặp đi lặp lại trong bài có tác dụng liên kết các sự việc trong văn bản thành một thể thống nhất không? Đó có thể xem là mạch lạc của văn bản không? Các từ ngữ góp phần liên kết các sự việc trong văn bản -> mạch lạc trong văn bản ? Các phần các đoạn, các câu trong văn bản phải như thế nào để tạo thành một văn bản có tính mạch lạc? => Các phần, các đoạn, các câu trong văn bản đều nói về một đề tài, biểu hiện một chủ đề chung xuyên suốt. ? Các đoạn trong văn bản " Cuộc chia tay của những con búp bê" được nối với nhau theo những mối liên hệ nào? Theo các mối liên hệ: - Liên hệ thời gian - Liên hệ tâm lí (nhớ lại) - Liên hệ không gian - Liên hệ ý nghĩa ? Những mối liên hệ giữa các đoạn ấy có tự nhiên và hợp lí không? -> Những mối liên hệ đó tự nhiên và hợp lí ? Vậy các phần, các đoạn, các câu trong văn bản phải
--	---

	được sắp xếp như thế nào để văn bản có tính mạch lạc? => Các phần, các đoạn, các câu trong văn bản phải được sắp xếp theo một trình tự rõ ràng, hợp lí ? Nêu các điều kiện để 1 văn bản có tính mạch lạc? * Ghi nhớ ý 2 SGK/32 <u>Hoạt động 2: Luyện tập.</u> 1. Bài tập 1 b (1): - Chủ đề: Lao động là vàng + Mở bài: 2 câu đầu nêu chủ đề + Thân bài: Phú nông gần đất xa trời... bội thu: là "kho vàng chôn dưới đất" và " kho vàng do sức lao động của con người làm nên: lúa tốt" + Kết bài: 4 câu cuối: Nhấn mạnh chủ đề thêm một lần nữa để khắc sâu => Văn bản có tính mạch lạc chủ đề xuyên suốt bài thơ, các phần liên mạch với nhau b (2): ý chủ đạo xuyên suốt toàn đoạn văn của Tô Hoài là: sắc vàng trù phú, đầm ấm của làng quê vào mùa đông, giữa ngày mùa. ý tứ đây đã được dẫn dắt theo một "dòng chảy" hợp lí, phù hợp với nhận thức của người đọc. Câu đầu giới thiệu bao quát về sắc vàng trong thời gian (mùa đông, giữa ngày mùa) và không gian (làng quê). Sau đó tác giả nêu lên những biểu hiện của sắc vàng trong không gian và thời gian đó. Hai câu cuối là nhận xét, cảm xúc về màu vàng. Một trình tự với 3 phần nhất quán và rõ ràng như thế đã làm cho mạch văn thông suốt và bố cục của đoạn văn trở nên mạch lạc. 2. Bài tập 2 - Không thuật lại tỉ mỉ nguyên nhân dẫn đến việc chia tay của 2 người lớn không làm cho tác phẩm thiếu mạch lạc. Vì ý chủ đạo của câu chuyện xoay quanh cuộc chia tay của 2 đứa trẻ và 2 con búp bê.
BÀI 4: QUÁ TRÌNH TẠO LẬP VĂN BẢN	<u>Hoạt động 1: Các bước tạo lập văn bản</u> <u>1/ Mạch lạc trong văn bản:</u> ? Khi nào em có nhu cầu viết thư cho bạn? - Khi em muốn chia sẻ với bạn một vấn đề gì đó: tình cảm, công việc, học tập (giao tiếp với bạn) ? Em sẽ dự định những gì trước khi viết thư? - GV: Khi trả lời được chính xác 4 câu hỏi này là em đã định hướng chính xác cho văn bản em viết. (Bước 1) Xác định: - Viết cho ai?

	- Viết để làm gì? - Viết về cái gì? - Viết như thế nào? ? Những điều em cần viết sẽ được trình bày như thế nào? => Bước 1: Định hướng chính xác cho văn bản(mình cần viết những gì) - sắp xếp các ý đó theo một trật tự hợp lí để bạn có thể hiểu được vấn đề . => Bước 2: Tìm ý và sắp xếp ý để có một bố cục rành mạch, hợp lí thể hiện đúng định hướng trên ? Sau khi đã chuẩn bị theo 2 bước trên em sẽ làm gì tiếp theo? -Viết thành văn bức thư ? Trong quá trình viết em sẽ lưu ý điều gì? Viết đúng chính tả, từ ngữ, câu, đoạn, kiểu văn... và hay để cho bạn chấp nhận. => Bước 3: Diễn đạt các ý thành những câu, đoạn văn chính xác, trong sáng, có mạch lạc và liên kết chặt chẽ với nhau. ? Trước khi bỏ thư vào phong bì em sẽ làm gì? - Đọc lại và sửa chữa (nếu cần) => Bước 4: Kiểm tra và sửa chữa lại văn bản (Nếu cần) ? Nhắc lại các bước để tạo nên một văn bản? * Ghi nhớ (SGK/46) <u>Hoạt động 2: Luyện tập.</u> <u>Bài tập 1</u> <u>Bài tập 2</u> a. Chưa phù hợp (chưa xác định đúng nội dung báo cáo: kinh nghiệm của bản thân) b. Chưa xác định đúng đối tượng nghe (cần sửa lại cách xưng hô) <u>Bài tập 3</u> - Dàn bài là đề cương nên cần rõ ý, ngắn gọn, không cần là những câu văn hoàn chỉnh - Trình bày các mục rõ ràng, được quy định chặt chẽ.
--	---

HS GHI CHÉP CÁC CÂU HỎI THẮC MẮC, CÁC TRỞ NGẠI KHI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ HỌC TẬP VÀ GỬI VỀ CHO GIÁO VIÊN GIẢNG DẠY

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Văn	Mục A: Phần B:	1. 2. 3.

TUẦN 2:

BÀI HỌC THAM KHẢO

LIÊN KẾT TRONG VĂN BẢN

I- Liên kết và phương tiện liên kết trong vb

1) Tính liên kết trong văn bản

a- Ví dụ- sgk

b- Nhận xét:

- En-ri-cô sẽ không hiểu rõ ý của bố mình
- > Vì: Nội dung ,ý nghĩa chưa rõ ràng, các câu sắp xếp tùy tiện, sai ngữ pháp.
- Thiếu: “việc...vậy”; “nhớ lại...với con”; “con mà...ư ?”; “hãy ...với mẹ”
- Để hiểu rõ phải có từ để kết nối
- >Để câu có nghĩa

*** Ghi nhớ 1/tr18**

2) Phương tiện liên kết trong văn bản

a- VD

b- NX:

- Đoạn văn gốc có sự kết nối bằng từ, cụm từ..
- Đoạn văn /tr18 không có
- => Nội dung chưa thống nhất
- Để câu có nội dung chặt chẽ phải có các ý, các câu, các đoạn liên kết với nhau
- Từ ngữ là một trong hình thức ngôn ngữ quan trọng phải dùng cho chính xác, thích hợp
- Phương tiện ngôn ngữ thường sử dụng từ, câu, đoạn

-> Tạo nội dung các câu cho phù hợp, các đoạn thống nhất, gắn bó, chặt chẽ với nhau

*** Ghi nhớ sgk/tr18:hs đọc**

II- Luyện tập:

*** BT1:**

Câu: 1-4-2-5-3

* BT2

- Chưa liên kết về hình thức
- ND, ý nghĩa không thống nhất

* BT3

- Điền lần lượt: bà, bà, cháu, bà, cháu, cháu, thế là

* BT 4

- Hình thức: Nếu tách khỏi vb thì 1 câu nói về mẹ, 1 câu nói về con
- Nội dung: VB không chỉ có câu 2 mà còn có câu 3- là câu nối kết 2 câu tạo sự liên kết chặt chẽ

BỐ CỤC TRONG VĂN BẢN

I. Bố cục và những yêu cầu về bố cục trong văn bản:

1. Bố cục của văn bản

* Xét VD

- Không chấp nhận 2 cách sắp xếp
- > Vì: Các phần của lá đơn không được sắp xếp theo một trật tự phù hợp với yêu cầu của một văn bản hành chính
- Sắp xếp theo trình tự:
 - Họ tên, nơi ở, học trường nào
 - Lí do xin vào đội
 - Lời hứa khi được kết nạp.
- => Cần sắp xếp theo một trật tự hợp lí
- Bố cục sẽ giúp văn bản trở lên rõ ràng, rành mạch -> Người đọc dễ theo dõi, dễ hiểu

* Ghi nhớ chấm 1 SGK/30

2. Những yêu cầu về bố cục trong văn bản

* Xét VD

a. Mỗi câu chuyện có 2 đoạn văn. Nội dung của các đoạn không thống nhất. ý của các đoạn không phân biệt rõ ràng

b. Sự bất hợp lí:

- "VB" 1: Kể chuyện ếch ngênh ngang đi lại, nhâng nháo nhìn trời trước, ếch ở trong giếng sau

Kể ếch bị trâu dẫm bẹp không gắn với việc nó đi lại ngênh ngang mà lại đưa xuống cuối cùng và thêm vào một chi tiết lạc lõng " Từ đấy, trâu trở thành bạn của nhà nông"

- "VB" 2: Kể chuyện anh khoe áo mới trước, anh khoe lợn cưới sau.

c. Nên sắp xếp bố cục 2 câu chuyện trên như 2 văn bản: ếch ngồi đáy giếng và lợn cưới, áo mới (Sách ngữ văn 6 tập 1)

- > Hai văn bản: ếch ngồi đáy giếng và Lợn cưới, áo mới (Sách ngữ văn 6 tập 1) nêu bật được ý nghĩa phê phán và gây cười

=> Bố cục hợp lí để giúp văn bản đạt mức cao nhất mục đích giao tiếp mà người tạo lập đặt ra

* Ghi nhớ ý 2 (SGK/30)

3. Các phần của bố cục

Bố cục 3 phần: Mở bài, thân bài, kết bài.

* Văn tự sự:

- Mở bài: Giới thiệu chung về nhân vật và sự việc
- Thân bài: kể diễn biến của sự việc
- Kết bài: kể kết cục của sự việc

* Văn miêu tả:

- Mở bài: Giới thiệu đối tượng được tả (cảnh, người, đồ vật, con vật, cây cối)
- Thân bài: Tập trung tả chi tiết theo một thứ tự hợp lí
- Kết bài: Phát biểu cảm tưởng về đối tượng được miêu tả.

+ Có (*giúp văn bản trở nên rành mạch hợp lí.*)

+ Không. Vì:

- Mở bài không đơn thuần là sự thông báo đề tài của văn bản mà còn phải cố gắng làm cho người đọc người nghe có thể đi vào đề tài đó một cách dễ dàng, tự nhiên, hứng thú và ít nhiều hình dung được các bước đi của bài.

- Kết bài không chỉ có nhiệm vụ nhắc lại đề tài hay đưa ra những lời hứa hẹn, nêu cảm tưởng ... mà phải làm cho văn bản để lại được ấn tượng tốt đẹp cho người đọc, người nghe.

+ Không. Vì mở bài và kết bài có nhiệm vụ riêng làm cho bài văn trở nên hoàn chỉnh rành mạch và hợp lí

+ Không. vì phải biết cách viết mở bài cho ra mở bài, thân bài đúng là thân bài, kết bài thật sự là một kết bài đích thực thì bài văn mới trở nên rõ ràng, rành mạch được.

* Ghi nhớ ý 3 SGK/30

II. Luyện tập:

Bài tập 1

VD: Khi kể một câu chuyện em gặp trên đường đi học về cho mẹ nghe

Khi trình bày một bài nói trong tiết luyện nói

Khi khuyên bạn của mình không nên làm việc xấu

Bài tập 2

Bố cục 3 phần:

- Phần I: Từ đầu... hiểu thảo như vậy -> Chia búp bê
- Phần II: Tiếp ... trèo lên cành vật -> Chia tay lớp học
- Phần III: còn lại -> chia tay anh em

Có thể kể lại câu chuyện theo một bố cục khác miễn là đảm bảo sự rành mạch hợp lí

MẠCH LẠC TRONG VĂN BẢN

I. Mạch lạc và những yêu cầu về mạch lạc trong văn bản

1. Mạch lạc trong văn bản

*** Xét ví dụ**

Mạch lạc trong văn bản có những tính chất

- Trôi chảy thành dòng, thành mạch
- Tuần tự đi qua khắp các phần, các đoạn trong văn bản.
- Thông suốt, liên tục không đứt đoạn

* Ghi nhớ ý 1 SGK/32

2. Các điều kiện để một văn bản có tính mạch lạc

*** Xét VD**

a) Chủ đề: Cuộc chia tay đau đớn của hai anh em bất hạnh do sự thiếu trách nhiệm của bố mẹ.

Các sự việc đều xoay quanh chủ đề câu chuyện.

- Thành và Thủy : nhân vật chính trong truyện, đóng vai trò chủ yếu trong việc thể hiện chủ đề của văn bản.

b) Các từ ngữ góp phần liên kết các sự việc trong văn bản -> mạch lạc trong văn bản.

=> Các phần, các đoạn, các câu trong văn bản đều nói về một đề tài, biểu hiện một chủ đề chung xuyên suốt.

c) Theo các mối liên hệ:

- Liên hệ thời gian
- Liên hệ tâm lí (nhớ lại)
- Liên hệ không gian
- Liên hệ ý nghĩa

-> Những mối liên hệ đó tự nhiên và hợp lí

=> Các phần, các đoạn, các câu trong văn bản phải được sắp xếp theo một trình tự rõ ràng, hợp lí

* Ghi nhớ ý 2 SGK/32

II. Luyện tập

*** Bài tập 1**

b (1):

- Chủ đề: Lao động là vàng

+ Mở bài: 2 câu đầu nêu chủ đề

+ Thân bài: Phú nông gần đất xa trời... bội thu: là "kho vàng chôn dưới đất" và " kho vàng do sức lao động của con người làm nên: lúa tốt"

+ Kết bài: 4 câu cuối: Nhấn mạnh chủ đề thêm một lần nữa để khắc sâu

=> Văn bản có tính mạch lạc chủ đề xuyên suốt bài thơ, các phần liên mạch với nhau

b (2): ý chủ đạo xuyên suốt toàn đoạn văn của Tô Hoài là: sắc vàng trù phú, đầm ấm của làng quê vào mùa đông, giữa ngày mùa. ý tứ đây đã được dẫn dắt theo một "dòng chảy" hợp lí, phù hợp với nhận thức của người đọc. Câu đầu giới thiệu bao quát về sắc vàng trong thời gian (mùa đông, giữa ngày mùa) và không gian (làng quê). Sau đó tác giả nêu

lên những biểu hiện của sắc vàng trong không gian và thời gian đó. Hai câu cuối là nhận xét, cảm xúc về màu vàng. Một trình tự với 3 phần nhất quán và rõ ràng như thế đã làm cho mạch văn thông suốt và bố cục của đoạn văn trở nên mạch lạc.

* Bài tập 2

- Không thuật lại tỉ mỉ nguyên nhân dẫn đến việc chia tay của 2 người lớn không làm cho tác phẩm thiếu mạch lạc. Vì ý chủ đạo của câu chuyện xoay quanh cuộc chia tay của 2 đứa trẻ và 2 con búp bê.

QUÁ TRÌNH TẠO LẬP VĂN BẢN

I. Các bước tạo lập văn bản

- Khi em muốn chia sẻ với bạn một vấn đề gì đó: tình cảm, công việc, học tập (giao tiếp với bạn)

Xác định: - Viết cho ai?

- Viết để làm gì?

- Viết về cái gì?

- Viết như thế nào?

=> Bước 1: Định hướng chính xác cho văn bản (mình cần viết những gì)

- sắp xếp các ý đó theo một trật tự hợp lí để bạn có thể hiểu được vấn đề .

=> Bước 2: Tìm ý và sắp xếp ý để có một bố cục rành mạch, hợp lí thể hiện đúng định hướng trên

-Viết thành văn bức thư

Viết đúng chính tả, từ ngữ, câu, đoạn, kiểu văn... và hay để cho bạn chấp nhận.

=> Bước 3: Diễn đạt các ý thành những câu, đoạn văn chính xác, trong sáng, có mạch lạc và liên kết chặt chẽ với nhau.

- Đọc lại và sửa chữa (nếu cần)

=> Bước 4: Kiểm tra và sửa chữa lại văn bản (Nếu cần)

N1: Khi có nhu cầu giao tiếp (nhu cầu phát biểu ý kiến, viết thư, viết bài cho báo tường của lớp...)

N2: Xác định rõ 4 vấn đề: Viết cho ai? Viết để làm gì? Viết về cái gì? Viết ntn?

Nhóm 3: Yêu cầu: (8 yêu cầu SGK/45)

Nhóm 4: Có, theo những tiêu chuẩn đã đề ra ở bước 1.

* Ghi nhớ (SGK/46)

II. Luyện tập:

* Bài tập 2

a. Chưa phù hợp (chưa xác định đúng nội dung báo cáo: kinh nghiệm của bản thân)

b. Chưa xác định đúng đối tượng nghe (cần sửa lại cách xưng hô)

* Bài tập 3

- Dàn bài là đề cương nên cần rõ ý, ngắn gọn, không cần là những câu văn hoàn chỉnh

- Trình bày các mục rõ ràng, được quy định chặt chẽ.

Trường THCS Đồng Khởi

Họ và tên:.....

Lớp:.....

HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN TOÁN 7

Giáo viên biên soạn: Lã Văn Hùng

A. ĐẠI SỐ 7- TUẦN 1

Bài 1. TẬP HỢP Q CÁC SỐ HỮU TỈ

I. NỘI DUNG BÀI HỌC

1. Định nghĩa: Số hữu tỉ là số viết được dưới dạng $\frac{a}{b}$ với $a, b \in \mathbb{Z}$ và $b \neq 0$.

Tập hợp các số hữu tỉ được kí hiệu là $\mathbb{Q}$.

Ví dụ:

Các số 3; -0,5; 0; $2\frac{5}{7}$ là các số hữu tỉ.

Tại vì $3 = \frac{3}{1} = \frac{6}{2} = \dots$; $-0,5 = \frac{-1}{2} = \frac{1}{-2} = \dots$; $0 = \frac{0}{1} = \frac{0}{2} = \dots$; $2\frac{5}{7} = \frac{19}{7} = \frac{-19}{-7} = \dots$ được viết dưới

dạng phân số $\frac{a}{b}$ với $a, b \in \mathbb{Z}$ và $b \neq 0$.

Nhận xét.

- Tập hợp số hữu tỉ $\mathbb{Q}$ là tập hợp số nguyên $\mathbb{Z}$ trong đó phép chia cho một số khác 0 luôn được thực hiện.
- Các phân số bằng nhau xác định cùng một số hữu tỉ và một trong số đó là một đại diện của số hữu tỉ.
- Mỗi số hữu tỉ được xác định bởi phân số đại diện và các phép toán trên số hữu tỉ đều được xác định trên các phép toán của phân số đại diện.

2. Biểu diễn số hữu tỉ trên trục số

a) Quy tắc:

Giả sử cần biểu diễn số hữu tỉ $\frac{a}{b}$ với $a, b \in \mathbb{Z}$ và $b > 0$, ta thực hiện theo các bước

- Bước 1: Chia đoạn thẳng đơn vị thành b phần bằng nhau. Lấy một đoạn làm đơn vị mới thì đơn vị mới bằng $\frac{1}{b}$ đơn vị cũ.
- Bước 2: Biểu diễn a theo đơn vị mới.

b) Nhận xét.

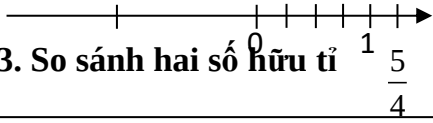
- Các điểm hữu tỉ dương nằm bên phải điểm O, các điểm hữu tỉ âm nằm bên trái điểm O.
- Giữa hai số hữu tỉ phân biệt bao giờ cũng có một số hữu tỉ khác chúng.

c) Ví dụ: Biểu diễn số hữu tỉ $\frac{5}{4}$ trên trục số.

Hướng dẫn

- Chia đoạn thẳng đơn vị ra 4 đoạn, lấy 1 đoạn làm đơn vị mới và bằng $\frac{1}{4}$ đơn vị cũ.

- Số $\frac{5}{4}$ nằm ở bên phải số 0, cách số 0 là 5 đơn vị mới.



3. So sánh hai số hữu tỉ $\frac{5}{4}$

Với hai số bất kì $x, y \in \mathbb{Q}$, ta luôn có : $x = y$ hoặc $x < y$ hoặc $x > y$
Ta có thể viết hai số hữu tỉ x, y dưới dạng phân số, rồi so sánh hai phân số đó

Ví dụ: So sánh hai số hữu tỉ sau:

- a) $-0,4$ và $\frac{-1}{3}$?; b) $\frac{-1}{2}$; 0 ?

Hướng dẫn (viết các số hữu tỉ dưới dạng phân số rồi so sánh các phân số đó)

a) Ta có:

$$-0,4 = \frac{-2}{5} = \frac{-6}{15}$$

$$\frac{-1}{3} = \frac{-5}{15}$$

$$\text{Vì } -5 > -6 \Rightarrow \frac{-5}{15} > \frac{-6}{15}$$

$$\Rightarrow -0,4 < \frac{-1}{3}$$

b) Ta có:

$$0 = \frac{0}{2}$$

$$\text{vì } -1 < 0 \Rightarrow \frac{-1}{2} < \frac{0}{2}$$

$$\Rightarrow \frac{-1}{2} < 0.$$

4. Số hữu tỉ dương, âm

Khái niệm

- Nếu $x < y$ thì trên trục số điểm x ở bên trái điểm y
- Số hữu tỉ nhỏ hơn 0 gọi là số hữu tỉ âm
- Số hữu tỉ lớn hơn 0 gọi là số hữu tỉ dương
- Số hữu tỉ 0 không là số hữu tỉ âm và cũng không là số hữu tỉ dương

Ví dụ

- Số hữu tỉ dương: $\frac{2}{3}, \frac{-3}{-5}$

- Số hữu tỉ âm: $\frac{-3}{7}, \frac{1}{-5}, -4$

- Số $\frac{0}{-2}$ không là số hữu tỉ âm cũng không là số hữu tỉ dương

II. BÀI TẬP TỰ LUYỆN

Bài tập 1. Điền ký hiệu $\in, \notin, \subset$ thích hợp vào ô trống.

$$-3 \quad \square \quad \mathbb{N}$$

$$-3 \quad \square \quad \mathbb{Z}$$

$$-3 \quad \square \quad \mathbb{Q}.$$

$$\frac{-2}{3} \quad \square \quad \mathbb{Z}$$

$$\frac{-2}{3} \quad \square \quad \mathbb{Q}$$

$$\frac{-2}{3} \quad \square \quad \mathbb{Z}$$

$$\mathbb{Z} \quad \square \quad \mathbb{Q}.$$

Bài tập 2. So sánh các số hữu tỉ sau

a) $x = \frac{2}{-7}$ và $y = \frac{-3}{11}$

b) $x = \frac{-3}{4}$ và $y = \frac{4}{-5}$

c) $x = -0,75$ và $y = \frac{-3}{4}$

Bài tập 3. So sánh các số hữu tỉ

a) $\frac{-15}{6}$ và $\frac{5}{-8}$ b) $\frac{-7}{3}$ và $\frac{-6}{5}$

c) $\frac{13}{9}$ và $\frac{-16}{-3}$

d) $\frac{2}{3}$ và $\frac{6}{7}$

Bài tập 4. Biểu diễn số hữu tỉ $\frac{-3}{4}$ trên trục số

§ 2. CỘNG, TRỪ SỐ HỮU TỈ

I. NỘI DUNG BÀI HỌC

1. Cộng trừ hai số hữu tỉ

a) Quy tắc: Muốn cộng, trừ hai số hữu tỉ x, y bằng cách viết chúng dưới dạng hai phân số cùng một mẫu số dương rồi áp dụng quy tắc cộng trừ phân số.

Với $x = \frac{a}{m}; y = \frac{b}{m}$ ($a, b \in \mathbb{Z}, m > 0$); ta có:

$$\begin{aligned} x + y &= \frac{a}{m} + \frac{b}{m} = \frac{a+b}{m} \\ x - y &= \frac{a}{m} - \frac{b}{m} = \frac{a-b}{m} \end{aligned}$$

b) Ví dụ : Tính

$$a / \frac{4}{9} + \frac{-8}{15} = \frac{20}{45} + \frac{-24}{45} = \frac{-4}{45}$$

$$b / -2 - \frac{7}{9} = \frac{-18}{9} - \frac{7}{9} = \frac{-25}{9}$$

2. Quy tắc chuyển vế

a) Quy tắc

Khi chuyển một số hạng từ vế này sang vế kia của một đẳng thức, ta phải đổi dấu số hạng đó.

Với mọi $x, y, z \in \mathbb{Q} : x + y = z \Rightarrow x = z - y$

b) Ví dụ: Tìm x , biết $-\frac{3}{7} + x = \frac{1}{3}$

Hướng dẫn: Chuyển $-\frac{3}{7}$ từ vế trái sang vế phải đổi dấu thành $\frac{3}{7}$ ta có

$$-\frac{3}{7} + x = \frac{1}{3}$$

$$\Rightarrow x = \frac{1}{3} + \frac{3}{7}$$

$$\Rightarrow x = \frac{7}{21} + \frac{9}{21}$$

$$\Rightarrow x = \frac{16}{21}$$

$$\text{Vậy } x = \frac{16}{21}$$

c) Chú ý: Trong **Q**, ta cũng có những tổng đại số, trong đó có thể đổi chỗ các số hạng, đặt dấu ngoặc để nhóm các số hạng một cách tùy ý như các tổng đại số trong **Z**

II. BÀI TẬP TỰ LUYỆN

Bài tập 1. Tính

a) $\frac{-1}{21} + \frac{-1}{28}$

b) $\frac{-5}{12} + 0.75$

c) $3,5 - \left(-\frac{2}{7}\right)$

d) $\frac{3}{7} + \left(\frac{-5}{2}\right) + \left(\frac{-3}{5}\right)$

e) $\left(-\frac{4}{3}\right) + \left(-\frac{2}{5}\right) + \left(-\frac{3}{2}\right)$

f) $\frac{2}{3} - \left[\left(-\frac{7}{4}\right) - \left(\frac{1}{2} + \frac{3}{8}\right)\right]$

Bài tập 2. Tìm x, biết.

a) $x - \frac{1}{2} = \frac{-2}{3}$

b) $\frac{2}{7} - x = \frac{-3}{4}$

c) $-x - \frac{2}{3} = -\frac{6}{7}$

d) $\frac{4}{7} - x = \frac{1}{3}$

Bài tập 3. Tìm y, biết.

a) $y - \frac{1}{3} = -\frac{1}{2}$

b) $-\frac{2}{5} - y = \frac{-3}{8}$

c) $-\frac{2}{3}y - 5 = 7$

B. HÌNH HỌC 7- TUẦN 1

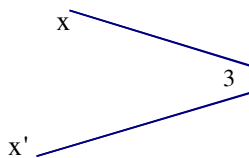
§ 1. HAI GÓC ĐỐI ĐỈNH

I. NỘI DUNG BÀI HỌC

1. Thế nào là hai góc đối đỉnh

Định nghĩa

Hai góc đối đỉnh là hai góc mà mỗi cạnh của góc này là tia đối của một cạnh của góc kia.



Hai đường thẳng xx' và yy' cắt nhau tại điểm O .

Ta nói:

- Hai góc O_1, O_3 là hai góc đối đỉnh.
- Hai góc O_2, O_4 là hai góc đối đỉnh.

2. Tính chất của hai góc đối đỉnh

Tính chất

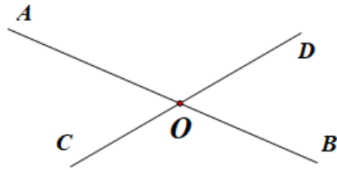
Hai góc đối đỉnh thì bằng nhau

Ở hình 1 ta có:

- Hai góc O_1, O_3 là hai góc đối đỉnh $\Rightarrow \hat{O}_1 = \hat{O}_3$
- Hai góc O_2, O_4 là hai góc đối đỉnh $\Rightarrow \hat{O}_2 = \hat{O}_4$

Ví dụ 1: Cho hai đường thẳng AB và CD cắt nhau tại O tạo thành 4 góc (không kể góc bẹt). Biết $\angle AOC + \angle BOD = 130^\circ$. Tính số đo của 4 góc tạo thành.

Hướng dẫn



Vì hai góc $\angle AOC$ và $\angle BOD$ đối đỉnh nên $\angle AOC = \angle BOD$

Mà $\angle AOC + \angle BOD = 130^\circ$

Suy ra

$$\angle AOC + \angle AOC = 130^\circ$$

$$2.\angle AOC = 130^\circ$$

$$\angle AOC = \angle BOD = 130^\circ : 2 = 65^\circ$$

Vì $\angle AOD$ và $\angle AOC$ là hai góc kề bù.

Nên ta có

$$\angle AOD + \angle AOC = 180^\circ$$

$$\angle AOD = 180^\circ - \angle AOC$$

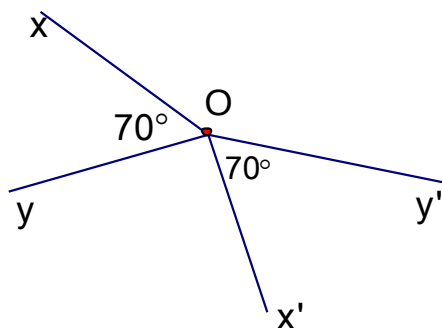
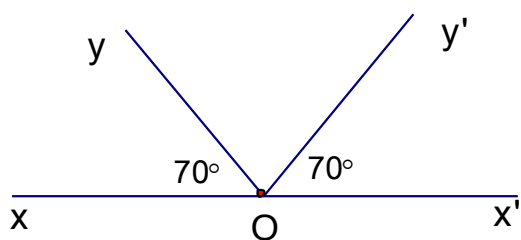
$$\angle AOD = 180^\circ - 65^\circ = 115^\circ$$

Vì $\angle BOC$ đối đỉnh với $\angle AOD$

Suy ra $\angle BOC = \angle AOD = 115^\circ$

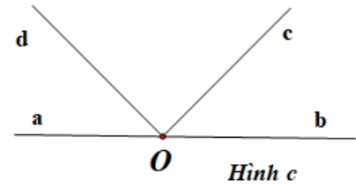
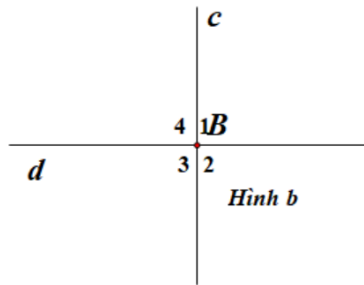
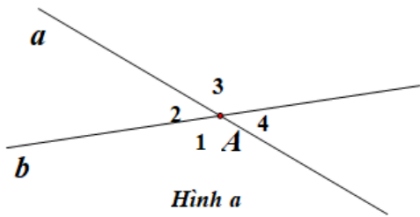
Ví dụ 2: Vẽ hai góc chung đỉnh và có cùng số đo là 70° , nhưng không đối đỉnh.

Hướng dẫn : (Sử dụng thước thẳng và thước đo độ vẽ hình)



II. BÀI TẬP TỰ LUYỆN

Bài tập 1. Hãy kể tên các cặp góc đối đỉnh trong mỗi hình a, b, c.



Bài tập 2. Vẽ hai đường thẳng zz' và tt' cắt nhau tại A. Hãy viết tên hai cặp góc đối đỉnh

Bài tập 3. Vẽ góc xBy có số đo bằng 60° . Vẽ góc đối đỉnh với góc xBy . Hỏi góc này có số đo bằng bao nhiêu độ ?

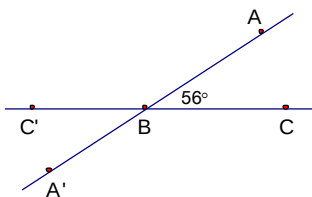
LUYỆN TẬP

Bài tập 1.

- Vẽ góc ABC có số đo bằng 56°
- Vẽ góc ABC' kề bù với góc ABC . Hỏi số đo của góc ABC' ?
- Vẽ góc $C'BA'$ kề bù với góc ABC' . Tính số đo của góc $C'BA'$?

Hướng dẫn

a, Vẽ $ABC = 56^\circ$



b, Vì ABC' kề bù với ABC nên $ABC' = 180^\circ - ABC = 180^\circ - 56^\circ = 124^\circ$

c, Vì $C'BA'$ và ABC là hai góc đối đỉnh nên $C'BA' = ABC = 56^\circ$

Bài tập 2. Vẽ hai đường thẳng cắt nhau sao cho trong các góc tạo thành có một góc bằng 47° . Tính số đo các góc còn lại.

Bài tập 3. Cho đường thẳng xy đi qua điểm O. Vẽ tia Oz sao cho $xOz = 135^\circ$. Trên nửa mặt phẳng bờ xy không chứa tia Oz vẽ tia Ot sao cho $yOt = 90^\circ$. Gọi Ov là tia phân giác của xOt .

- Chứng tỏ rằng Oz và Ov là hai tia đối nhau.
- Các góc xOv và yOz có phải là hai góc đối đỉnh không ? Vì sao?

Bài tập 4. Cho góc bẹt xOy . Trên cùng nửa mặt phẳng bờ xy vẽ hai tia Ot, Oz và trên nửa mặt phẳng kia vẽ tia Oh sao cho $xOz = yOt = xOh = 50^\circ$.

- a) Hai góc xOz và xOh có phải là hai góc đối đỉnh không? Vì sao?
- b) Hai góc xOz và yOt có phải là hai góc đối đỉnh không? Vì sao?
- c) Hai góc xOh và yOt có phải là hai góc đối đỉnh không? Vì sao?

Bài tập 5. Hai đường thẳng AB và CD cắt nhau tại E tạo thành bốn góc không kể góc bẹt. Biết tổng của ba trong bốn góc này bằng 250° , tính số đo của bốn góc đó.

Bài tập 6. Cho $AOB = 80^\circ$ có . Gọi góc AOC và góc BOD là các góc kề bù với góc AOB . Chứng tỏ rằng:

- a) Hai góc AOC và BOD là hai góc đối đỉnh.
- b) Đường thẳng chứa tia phân giác của góc BOD cũng chứa tia phân giác của AOC .

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC TIẾNG ANH 7
GV: NGÔ TRẦN NINH GIANG

NỘI DUNG	GHI CHÚ												
UNIT 1: BACK TO SCHOOL	Tiết 1: ÔN LẠI THÌ HIỆN TẠI ĐƠN Tiết 2: Unit 1 (A1,3) Tiết 3: Unit 1 (A2)												
Hoạt động 1: Cung cấp từ vựng và ngữ pháp	I. ÔN THÌ HIỆN TẠI ĐƠN PRESENT SIMPLE ♦ Cấu trúc +) Đối với động từ be (am/is/are) <table><tr><th>Thể khẳng định</th><th>Thể phủ định</th><th>Thể nghi vấn</th></tr><tr><td>I + am You/ We/ They+ are He/ She/ It + is</td><td>I + am not You/ We/ They+ are not He/ She/ It + is not</td><td>Am I ...? Are you/ we/ they ...? Is he, she, it ...?</td></tr></table> Ex: I am a student. She is not a student. Are you a teacher?  +) Đối với động từ thường <table><tr><th>Thể khẳng định</th><th>Thể phủ định</th><th>Thể nghi vấn</th></tr><tr><td>I/ You/ We/ They + V He/ She/ It + V(s/es) I do my home work. She does the housework. </td><td>I/ You/ We/ They + don't + V He/ She/ It + doesn't + V I don't play football. He doesn't play tennis. </td><td>Do + I/ you/ we/ they + V? Does + he/ she/ it + V? Do you like English? Does she like milk? </td></tr></table> ♦ Cách dùng: • Present simple diễn tả một chân lí hay một, sự thật hiển nhiên: Ex: The earth moves around the sun. • Diễn tả thói quen hay hành động thường xuyên xảy ra: Ex: I go to school at 7 a.m.	Thể khẳng định	Thể phủ định	Thể nghi vấn	I + am You/ We/ They+ are He/ She/ It + is	I + am not You/ We/ They+ are not He/ She/ It + is not	Am I ...? Are you/ we/ they ...? Is he, she, it ...?	Thể khẳng định	Thể phủ định	Thể nghi vấn	I/ You/ We/ They + V He/ She/ It + V(s/es) I do my home work. She does the housework. 	I/ You/ We/ They + don't + V He/ She/ It + doesn't + V I don't play football. He doesn't play tennis. 	Do + I/ you/ we/ they + V? Does + he/ she/ it + V? Do you like English? Does she like milk? 
Thể khẳng định	Thể phủ định	Thể nghi vấn											
I + am You/ We/ They+ are He/ She/ It + is	I + am not You/ We/ They+ are not He/ She/ It + is not	Am I ...? Are you/ we/ they ...? Is he, she, it ...?											
Thể khẳng định	Thể phủ định	Thể nghi vấn											
I/ You/ We/ They + V He/ She/ It + V(s/es) I do my home work. She does the housework. 	I/ You/ We/ They + don't + V He/ She/ It + doesn't + V I don't play football. He doesn't play tennis. 	Do + I/ you/ we/ they + V? Does + he/ she/ it + V? Do you like English? Does she like milk? 											

II. NEW WORDS:

A – FRIENDS:

1. Nice to see you = nice to meet you = rất vui được biết bạn
2. Classmate (n) = bạn học
3. Still(adv) = vẫn còn, vẫn
4. Lots of, a lot of, many, much (adj) = nhiều
5. Unhappy (adj) = buồn
6. Miss (v) = nhớ
7. Different (from) (adj) = khác với
→ His new schoolbag is different from mine.
8. So, too (adv) = cũng vậy
→ My school is big and so is his.
9. Pretty (adv) = khá, hơi
→ He's pretty tall.
10. Pretty good (adj) = khá khỏe/tốt

III. GRAMMAR:

A. Indefinite quantifiers - Từ chỉ số lượng bất định: Many, much, a lot of, lots of, plenty of

1/ Many - Much (nhiều): được dùng ở câu phủ định và nghi vấn.

* Many: đứng trước danh từ đếm được, số nhiều.

Hoa doesn't have many friends in Hue (Hoa không có nhiều bạn ở Huế)

Do you have many English books? (Bạn có nhiều sách Tiếng Anh không?)

* Much: đứng trước danh từ không đếm được.

We don't have much time to waste. (Chúng ta không có nhiều thì giờ để phung phí)

Do you spend much money on clothes? (Bạn có tiêu nhiều tiền cho quần áo không?)

2/ A lot of - lots of - plenty of (nhiều): dùng trong câu xác định với cả danh từ đếm được và không đếm được.

We need a lot of/ lots of/ plenty of pens and pencils. (Chúng ta cần nhiều bút mực và bút chì)

B. SO/TOO = cũng vậy

“too”, và “so” để diễn đạt sự đồng tình trong câu khẳng định.

TOO

được đặt ở cuối câu, ngăn cách bằng một dấu phẩy.

Ex: She is tired. I am, too.

SO

được đặt ở đầu câu, cần đảo chủ ngữ và động từ.

Ex: She can speak English. So can I.



C. Comparatives and superlatives (So sánh hơn và so sánh nhất)

a. Comparatives (so sánh hơn)

– Short adjectives (tính từ ngắn)

S + be + short adjective + er + than + noun/ pronoun

→ She is taller than me

– Long adjective (tính từ dài)

S + be + more + long adjective + than + noun/ pronoun

→ His watch is more expensive than mine

b. Superlatives (so sánh nhất)

– Short adjectives (tính từ ngắn)

S + be + the + short adjective + est

→ Ho Chi Minh is the biggest city in Vietnam

– Long adjective (tính từ dài)

S + be + the most + long adjective

→ He is the most intelligent boy

c. Một số trường hợp ngoại lệ: sẽ không áp dụng theo công thức các trường hợp này

good	better	best
bad	worse	worst
little	Less	least
many/ much	more	most
far	farther/ further	farthest/ furthest

Hoạt động 2: Luyện tập và kiểm tra khả năng hiểu bài



a) Ba: Hello, Nga.
Nga: Hi, Ba. Nice to see you again.
Ba: Nice to see you, too.
Nga: This is our classmate. Her name's Hoa.
Ba: Nice to meet you, Hoa.
Hoa: Nice to meet you, too.

b) Hoa: Good morning. My name's Hoa.
Nam: Nice to meet you, Hoa. My name's Nam.
Are you a new student?
Hoa: Yes, I'm in class 7A.
Nam: Oh, so am I.



BÀI TẬP 1: Nhìn hình và trả lời câu hỏi

a) What is the new girl's name?

=>

b) What class is she in?

=>

c) Who is also in class 7A?

=>

BÀI TẬP 2: Sau khi tìm hiểu và ghi chép từ vựng và ngữ pháp vào tập bài học. Học sinh đọc, dịch đoạn văn và sau đó trả lời câu hỏi. Nhớ chú ý phần in đậm.

Hoa is a new student in class 7A. She is from Hue and her parents **still** live there. She lives with her uncle and aunt in Ha Noi.

Hoa has **lots of friends** in Hue. But she **doesn't** have **any friends** in Ha Noi. Many things are different. Her new school **is bigger than** her old school. Her

	new school has a lot of students. Her old school doesn't have many students. Hoa is unhappy. She misses her parents and her friends. a) Where is Hoa from? => b) Who is she staying with? => c) Does she have a lot of friends in Ha Noi? => d) How is her new school different from her old school? => e) Why is Hoa unhappy? =>
Hoạt động 3: <i>kiểm tra khả năng hiểu bài</i>	BÀI TẬP 1: Chọn từ đúng trong ngoặc để điền vào chỗ trống → Xem phần ngữ pháp thì Hiện tại đơn ở Hoạt động 1 a. Our school children(don't/ doesn't) go to school by car. b. The country.....(have/ has) a population of about eighty million. c. It(don't/ doesn't) snow in the south. d. Most people(don't/ doesn't) work on Sundays. e. The Vietnam Railroad(work/ works) very well. f. There(is/ are) flights between Ha Noi and Ho Chi Minh City every day. g. Ho Chi Minh City.....(isn't/ aren't) the capital of Vietnam. BÀI TẬP 2: Chia động từ trong ngoặc → Xem phần ngữ pháp thì Hiện tại đơn ở Hoạt động 1 a. Lan (brush) her teeth after meals. b. The students (not go) to school on Sunday. c. Nga (talk) to her friends now. d. Lan (not have) many friends in her new school. e. Hung (come) from Vinh but he (stay) with his relatives in Ho Chi Minh City at the moment. BÀI TẬP 3: Thêm từ để tạo thành câu có nghĩa a. Miss Trang / young / her sister/. b. These buildings / high / those buildings/. c. The boys / strong / the girls/. d. I / old / my brother/. → Xem phần So sánh hơn ở ở Hoạt động 1

BÀI TẬP 4: Điền many, much, lots of/a lot of vào chỗ trống

→ Xem phần Từ chỉ số lượng bất định ở Hoạt động 1

- a. My father never drinks..... coffee for breakfast.
- b. I don't have..... time to read.
- c. Her new school has.....students.
- d. There are..... orange juice in the jar.
- e. This hotel doesn't have..... rooms.

BÀI TẬP 5: Sắp xếp từ thành câu hoàn chỉnh

a. smaller / new / her / Hoa's / one / old school / is / than/ .

b. goes / bus / day / work / Mr. Hoang / every / to / by/.

c. from / one / is / his / how / different / Minh 's new house / old/ ?

d. because / parents / is / she / Nguyet / misses / unhappy / her/ .

BÀI TẬP 6: Viết câu cùng nghĩa

1. Hoa is from Hue and my aunt is from Hue, too.
My aunt_____
2. That desk is older than Lan's desk.
Lan's desk_____
3. They go to school on foot and my younger sister also goes to school on foot.
My younger sister_____
4. Where does he live ?
What_____
5. What's your age?
How_____

Các em có thắc mắc về bài học trên xin vui lòng điền theo mẫu sau và gửi qua email:
giangntn90@gmail.com

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh

NỘI DUNG HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC TUẦN 1 MÔN : VẬT LÝ 7 (Đối với học sinh không thể học tập trực tuyến)

GV TRẦN VŨ PHƯƠNG

1. Tài liệu học tập và Phiếu hướng dẫn học sinh tự học

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

NỘI DUNG	GHI CHÚ
<u>Chủ đề 1:</u> NHẬN BIẾT ÁNH SÁNG – NGUỒN SÁNG VÀ VẬT SÁNG	
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	- Nguồn tài liệu: Sách Tài liệu dạy học vật lý 7 - Nội dung bài học: <u>I. Nhận biết ánh sáng:</u> - Ta <u>nhận biết</u> được ánh sáng khi có ánh sáng truyền vào mắt ta. <u>II. Nhìn thấy một vật</u> - Ta nhìn thấy một vật khi có ánh sáng từ vật đó truyền vào mắt ta (Ta nhìn thấy ngôi nhà là do có ánh sáng từ ngôi nhà truyền vào mắt ta.) <u>III. Nguồn sáng và vật sáng:</u> - Nguồn sáng là những vật tự phát ra ánh sáng. - Ví dụ: Mặt trời, bóng đèn đang sáng - Vật sáng là bao gồm nguồn sáng và những vật hắt lại ánh sáng chiếu vào vật đó. - Ví dụ: Mặt trời, ngôi nhà(Mặt trời là vật tự phát ra ánh sáng, ngôi nhà là vật hắt lại ánh sáng chiếu vào nó nên là vật sáng)
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	HS hoàn thành các BT sau: <u>Bài tập 1:</u> Trong những trường hợp sau đây, trường hợp nào

1- Nhận biết	mắt ta nhận biết được có ánh sáng? a) Ban ngày, mở mắt nhưng không thấy mặt trời. b) Ban đêm, trong phòng kín, mở mắt và không bật đèn. c) Ban đêm, trong phòng có ngọn nến đang cháy, mắt mở. d) Ban ngày, trời nắng không mở mắt. <u>Bài tập 2:</u> Trong những vật sau đây, những vật nào được xem là nguồn sáng và những vật nào là vật sáng: Mặt trời, mặt trăng, bóng đèn điện đang sáng, bóng đèn điện đang tắt, ngọn lửa, quyển sách, bông hoa, con đom đóm.
2 – Hiểu	<u>Bài tập 3:</u> Ban đêm, nhìn lên bầu trời ta thấy mặt trăng và nhiều vì sao lấp lánh. Có phải tất cả chúng đều là nguồn sáng (vật tự phát ra ánh sáng) không? Tại sao? <u>Bài tập 4:</u> Em hãy giải thích vì sao ta không thể nhìn được các vật ở phía sau lưng nếu ta không quay mặt lại?

2. Học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Trường: **THCS ĐỒNG KHÔI**

Lớp:

Họ tên học sinh:

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Vật lý 7	<u>Chủ đề 1:</u> NHẬN BIẾT ÁNH SÁNG – NGUỒN SÁNG VÀ VẬT SÁNG	1/ 2/ 3/

NỘI DUNG HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC TUẦN 1 - MÔN SINH 7

(Từ ngày 6/9 đến ngày 11/9)

(Đối với học sinh không thể học tập trực tuyến)

GV PHẠM THỊ HUYỀN DIỆU

3. Giáo viên biên soạn Tài liệu học tập và Phiếu hướng dẫn học sinh tự học

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Thế giới động vật đa dạng, phong phú - Sinh7	
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	- Nguồn tài liệu: Sách giáo khoa Sinh 7 - Nội dung bài học: I. Đa dạng loài và phong phú về số lượng cá thể - Thế giới động vật vô cùng phong phú, đa dạng. - Chúng đa dạng về số loài, kích thước cơ thể, lối sống và môi trường sống II. Đa dạng về môi trường - ĐV phân bố ở khắp các môi trường: nước mặn, nước ngọt, nước lợ, trên cạn, trên không, và ngay cả vùng cực băng giá quanh năm.
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học. 1 - Nhận biết	- HS hoàn thành các BT sau: Câu 1: Sự đa dạng và phong phú của động vật thể hiện ở a. Đa dạng về số loài và phong phú về số lượng cá thể b. Đa dạng về phương thức sống và môi trường sống c. Đa dạng về cấu trúc cơ thể d. Cả a, b và c Câu 2: Môi trường sống cơ bản của động vật bao gồm: a. Dưới nước và trên cạn b. Dưới nước và trên không c. Trên cạn và trên không d. Dưới nước, trên cạn và trên không Câu 3: Động vật đa dạng, phong phú nhất ở a. Vùng ôn đới b. Vùng nhiệt đới c. Vùng nam cực d. Vùng bắc cực

2- Hiểu	Câu 4: Nhóm động vật nào sau đây chỉ sống trong môi trường nước? a. Ong, cá, chồn, hổ, lươn b. Cá, thằn lằn, hổ, tôm, cua c. Cá, tôm, ốc, cua, mực d. Chim, ốc, mực, cua, bạch tuộc Câu 5: Chúng ta phải làm gì để thế giới động vật mãi mãi đa dạng, phong phú? Đáp án: Câu 1. d Câu 2. d Câu 3. b Câu 4.c Câu 5. Chúng ta cần chung tay bảo vệ thế giới động vật mãi đa dạng, phong phú. Các biện pháp là bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên rừng là nơi sinh sống của động vật, phát triển chăn nuôi, thành lập các khu bảo tồn thiên nhiên, cấm săn bắt bừa bãi, bảo vệ động vật quý hiếm...
NỘI DUNG	GHI CHÚ
Phân biệt động vật với thực vật. Đặc điểm chung của động vật - Sinh 7	
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	- Nguồn tài liệu: Sách giáo khoa Sinh 7 - Nội dung bài học: I. Phân biệt ĐV với TV - ĐV giống TV: cùng cấu tạo từ tế bào, có khả năng sinh trưởng và phát triển. - ĐV khác TV: cấu tạo tế bào không có thành xenlulôzơ, chỉ sử dụng chất hữu cơ có sẵn để nuôi cơ thể, có cơ quan di chuyển và hệ thần kinh. II. Đặc điểm chung của động vật - Dị dưỡng - Có khả năng di chuyển - Có hệ thần kinh và giác quan III. Sơ lược phân chia giới ĐV: 8 ngành (SGK) IV. Vai trò của động vật - Cung cấp nguyên liệu cho con người như thực phẩm, lông da: bò, gà... - Động vật dùng làm thí nghiệm, nghiên cứu khoa học: chuột bạch, ếch... - Hỗ trợ con người trong lao động: trâu, bò, ngựa... - Phục vụ giải trí: cá cảnh... - Một số loài truyền bệnh sang người: gà, vịt, ruồi muỗi...
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	- HS hoàn thành các BT sau: Câu 1: Động vật và thực vật giống nhau ở điểm nào? a. Cấu tạo từ tế bào

1 - Nhận biết	b. Lớn lên và sinh sản c. Có khả năng di chuyển d. Cả a và b đúng Câu 2: Động vật được chia làm mấy ngành a. 6 b. 7 c. 8 d. 9 Câu 3: Động vật KHÔNG có a. Hệ thần kinh b. Giác quan c. Khả năng di chuyển d. Tự sản xuất được chất hữu cơ Câu 4: Động vật có xương sống là những loài động vật có ... a. Hệ thần kinh b. Hệ tuần hoàn c. Xương sống d. Giác quan
2- Hiểu	Câu 5: Động vật có lợi ích gì đối với con người? Đáp án: Câu 1. d Câu 2. c Câu 3. d Câu 4. c Câu 5. Lợi ích: - Cung cấp nguyên liệu cho con người thực phẩm, lông, da... - Dùng làm thí nghiệm trong học tập, thí nghiệm, thử nghiệm thuốc - Hỗ trợ con người trong lao động, giải trí, thể thao...

4. Giáo viên hướng dẫn học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh:

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Sinh 7	Bài 1. Thế giới động vật đa dạng, phong phú	1/ 2/
	Bài 2. Phân biệt động vật với thực vật. Đặc điểm chung của động vật	1/ 2/

NỘI DUNG HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC TUẦN 1- 2
MÔN LỊCH SỬ 7

(Từ ngày 6/9 đến ngày 18/9)

GV NGUYỄN THỊ THUỶ

(Đối với học sinh không thể học tập trực tuyến)

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

NỘI DUNG	GHI CHÚ
TUẦN 1 BÀI 1 SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA XÃ HỘI PHONG KIẾN CHÂU ÂU (Thời sơ, trung kì trung đại) <u>Hoạt động 1</u> <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</i>	<i>HS chuẩn bị sách giáo khoa lịch sử 7</i> <i>Học sinh đọc SGK và tìm hiểu những vấn đề sau:</i> - Em hãy cho biết chế độ phong kiến Châu Âu được hình thành như thế nào? - Em hãy cho biết lãnh địa phong kiến là gì? - Thành thị trung đại ở Châu Âu được hình thành như thế nào? Các thành thị trung đại ra đời mang lại ý nghĩa như thế nào? <i>1. Sự hình thành chế độ phong kiến ở châu Âu</i> - Cuối thế kỉ V, người Giéc-man tiêu diệt các quốc gia cổ đại Hi Lạp và Rô-ma. Thành lập nhiều vương quốc mới: Ăng-glô Xắc-xông, Phơ-răng, Tây Gôt, Đông Gôt... - Người Giéc-man đã chiếm ruộng đất của chủ nô, đem chia cho nhau. Phong tước vị - Biến đổi xã hội: Xuất hiện các giai cấp mới lãnh chúa và nông nô. - Nông nô phụ thuộc lãnh chúa → xã hội phong kiến hình thành. <i>2. Lãnh địa phong kiến.</i> - Lãnh địa là vùng đất rộng lớn do lãnh chúa làm chủ trong đó có lâu đài và thành quách. - Đời sống trong lãnh địa: lãnh chúa xa hoa, đầy đủ, nông nô nghèo khổ. - Đặc điểm kinh tế: Tự cung, tự cấp không trao đổi với bên ngoài. <i>3. Sự xuất hiện các thành thị trung đại.</i> - Nguyên nhân: Cuối thế kỉ XI, sản xuất phát triển thợ thủ công

<u>Hoạt động 2:</u> <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</i>	đem hàng hoá ra những nơi đông người để trao đổi → hình thành các thị trấn → thành thị (thành phố). - Hoạt động của hành thị: Cư dân chủ yếu là thợ thủ công và thương nhân... - Vai trò: thúc đẩy sản xuất, làm cho xã hội phong kiến phát triển. <i>Học sinh trả lời các câu hỏi dưới đây</i> <u>Câu 1.</u> Lãnh địa phong kiến là A. vùng đất rộng lớn của các quý tộc chiếm đoạt được. B. vùng đất do các chủ nô cai quản. C. vùng đất do các thương nhân và thợ thủ công xây dựng nên. D. vùng đất đã bị bỏ hoang nay được khai phá. <u>Câu 2.</u> Cuối thế kỉ V các bộ tộc nào đã đánh chiếm đế quốc Rô-ma? A. Các bộ tộc từ vương quốc Tây Gôt. B. Các bộ tộc từ vương quốc Đông Gôt. C. Các bộ tộc người Giéc-man. D. Các bộ tộc từ vương quốc Phơ-răng. <u>Câu 3.</u> Giai cấp chủ yếu sống trong thành thị trung đại là A. lãnh chúa phong kiến B. nông nô. C. thợ thủ công và lãnh chúa. D. thợ thủ công và thương nhân. <u>Câu 4.</u> Vì sao xuất hiện thành thị trung đại? A. Vì hàng thủ công sản xuất ngày càng nhiều. B. Vì nông dân bỏ làng đi kiếm sống. C. Vì quý tộc chiếm được những vùng đất rộng lớn. D. vì số lượng lãnh chúa ngày càng tăng
---	---

TUẦN 1 BÀI 2 SỰ SUY VONG CỦA CHẾ ĐỘ PHONG KIẾN VÀ SỰ HÌNH THÀNH CNTB Ở CHÂU ÂU	Học sinh đọc SGK và tìm hiểu những vấn đề sau - Em hãy cho biết nguyên nhân hình thành các cuộc phát kiến về địa lí ở Châu Âu? - Em hãy kể tên các cuộc phát kiến lớn ở Châu Âu? Kể tên một nga thám hiểm mà em biết trong lịch sử nhân loại? - Em hãy cho biết CNTB ở Châu Âu được hình thành như thế nào? 1. Những cuộc phát kiến lớn về địa lí. - Nguyên nhân : do nhu cầu phát triển sản xuất. Tiến bộ về kĩ thuật hàng hải : la bàn, hải đồ, kĩ thuật đóng tàu... - Những cuộc phát kiến lớn : Cuối thế kỉ XV đầu thế kỉ XVI, nhiều cuộc phát kiến lớn về địa lí được tiến hành như : B. Đi-a-xơ đến cực Nam châu Phi (1487) ; Va-xcô đơ Ga-ma đến Tây Nam Ấn Độ (1498) ; C.Cô-lôm-bô tìm ra châu Mỹ (1492) ; Ph.Ma-gien-lan đi vòng quanh Trái Đất (1519 - 1522). - Ý nghĩa các cuộc phát kiến địa lí : thúc đẩy thương nghiệp phát triển, đem lại nguồn lợi khổng lồ cho giai cấp tư sản châu Âu. 2. Sự hình thành CNTB ở Châu Âu - Sự ra đời của giai cấp tư sản: Quý tộc, thương nhân trở lên giàu có nhờ cướp bóc của cải và tài nguyên ở các nước thuộc địa. Họ mở rộng sản xuất, kinh doanh, lập đồn điền, bóc lột sức lao động người làm thuê, giai cấp tư sản ra đời. - Giai cấp vô sản được hình thành từ những người nông nô bị tước đoạt ruộng đất, buộc phải vào làm việc trong các xí nghiệp của tư sản. - Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa được hình thành.
<u>Hoạt động 2:</u> Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	Học sinh trả lời các câu hỏi dưới đây: Câu 1. Đâu không phải là nguyên nhân dẫn đến những cuộc phát kiến địa lí? A. Do khát vọng muốn tìm mảnh đất có vàng. B. Do yêu cầu phát triển của sản xuất. C. Do muốn tìm những con đường mới. D. Do nhu cầu của những người dân. Câu 2. Những nước nào đi đầu trong cuộc phát

	kiến địa lí? A. Anh, Tây Ban Nha. B. Pháp, Bồ Đào Nha. C. Anh, I-ta-li-a. D. Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha. <u>Câu 3.</u> Chủ nghĩa tư bản ở Châu Âu được hình thành trên cơ sở nào? A. Thu vàng bạc, hương liệu từ Ấn Độ và phương Đông B. Các thành thị trung đại C. Vốn và công nhân làm thuê. D. Sự phá sản của chế độ phong kiến. <u>Câu 4.</u> Cuộc phát kiến địa lí của các thương nhân châu Âu chủ yếu hướng về đâu?(H) A. Ấn Độ và các nước phương Đông B. Trung Quốc và các nước phương Đông. C. Nhật Bản và các nước phương Đông D. Ấn Độ và các nước phương Tây <u>Câu 5.</u> Các cuộc phát kiến địa lí đã mang lại sự giàu có cho các tầng lớp nào ở châu Âu? A. Công nhân, quý tộc. B. Thương nhân, quý tộc. C. Tướng lĩnh, quý tộc. D. tầng lữ, quý tộc. <u>Câu 6.</u> Giai cấp vô sản được hình thành từ những tầng lớp nào? A. Nông nô B. Tư sản C. Công nhân D. Địa chủ.
--	---

TUẦN 2 BÀI 3 CUỘC ĐẤU TRANH CỦA GIAI CẤP TƯ SẢN CHỐNG PHONG KIẾN THỜI HẬU KÌ TRUNG ĐẠI	<i>Học sinh đọc SGK và tìm hiểu các vấn đề sau:</i> - Em hãy cho biết nguyên nhân ra đời văn hóa Phục Hưng? - Em hãy trình bày những nội dung tư tưởng Văn hóa Phục Hưng? - Phong trào văn hóa Phục Hưng có ý nghĩa như thế nào? - Em hãy cho biết nguyên nhân hình thành phong trào cải cách tôn giáo? - Nội dung tư tưởng trong phong trào cải cách tôn giáo là gì? <i>Phong trào cải cách tôn giáo có ý nghĩa như thế nào?</i> 1. Phong trào Văn hoá Phục hưng. a. Nguyên nhân. - Chế độ phong kiến kìm hãm sự phát triển của xã hội. - Giai cấp tư sản có thế lực kinh tế nhưng không có địa vị xã hội b. Nội dung tư tưởng. - Phê phán xã hội phong kiến và Giáo hội Ki-tô - Đề cao giá trị con người, khoa học tự nhiên, xây dựng thế giới quan duy vật c. Ý nghĩa: -Phát động quần chúng đấu tranh chống phong kiến. -Mở đường cho sự phát triển của văn hoá châu Âu và nhân loại. 2. Phong trào cải cách tôn giáo. a. Nguyên nhân: Giáo hội bóc lột nhân dân và cản trở sự phát triển của giai cấp tư sản. b. Diễn biến: - Cải cách của M.Lu-thơ (Đức)... - Cải cách của Can-Vanh (Thụy Sĩ)... c.Hệ quả: Đạo Ki-tô bị chia thành hai phái:Cựu giáo là Ki-tô giáo cũ và Tân giáo >< và xung đột với nhau =>Bùng lên chiến tranh nông dân Đức.
--	---

Hoạt động 2:*Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.*

Câu 1. Quê hương của phong trào văn hóa Phục hưng là

- A. Đức.
- B. Ý.
- C. Pháp.
- D. Anh.

Câu 2. Nguyên nhân của phong trào văn hóa Phục hưng là do

- A. chế độ phong kiến kìm hãm giai cấp tư sản.
- B. nhân dân căm ghét sự thống trị của chế độ phong kiến.
- C. giai cấp tư sản mong muốn cho xã hội ngày càng tốt đẹp hơn.
- D. Nhân dân muốn khôi phục lại những giá trị tốt đẹp của xã hội thời Cổ đại.

Câu 3. Phong trào văn hóa Phục hưng đấu tranh bằng hình thức nào?

- A. Vũ trang
- B. Chính trị.
- C. Dùng các tác phẩm.
- D. Dùng bạo lực.

Câu 4. Phong trào cải cách tôn giáo đã dẫn tới hệ quả gì?

- A. Đạo Ki-tô bị thủ tiêu.
- B. Đạo Ki-tô được phát triển hơn.
- C. Đạo Ki-tô bị chia thành hai phái.
- D. Đạo Ki-tô cải cách thành tôn giáo mới.

TUẦN 2 Bài 4 TRUNG QUỐC THỜI PHONG KIẾN	<i>Học sinh đọc SGK và tìm hiểu các vấn đề sau:</i> - Em hãy cho biết chế độ phong kiến Trung Quốc được hình thành như thế nào? - Tần Thủy Hoàng đã đưa ra những chính sách gì để phát triển đất nước? - Dưới thời Đường xã hội Trung Quốc phát triển như thế nào? 1. Sự hình thành xã hội phong kiến ở Trung Quốc. - Xã hội phong kiến hình thành từ thế kỉ III TCN. - Quan lại và nông dân giàu chiếm nhiều ruộng, có quyền lực trở thành địa chủ. - Nhiều nông dân mất ruộng, phải nhận ruộng của địa chủ trở thành tá điền, phải nộp một phần hoa lợi cho địa chủ gọi là địa tô. -> Xã hội phong kiến Trung Quốc được xác lập. 2. Xã hội Trung Quốc thời Tần - Hán a. Tổ chức bộ máy nhà nước. - Thời Tần: chia đất nước thành các quận, huyện và trực tiếp cử quan lại đến cai trị, thi hành chế độ cai trị rất hà khắc. + Nhà Hán: chế độ pháp luật hà khắc được bãi bỏ. b. Chính sách đối ngoại. - Tiến hành mở rộng lãnh thổ bằng các cuộc chiến tranh xâm lược c. Tình hình kinh tế. - Thời Tần - Hán : ban hành chế độ đo lường thống nhất, giảm tô thuế, khuyến khích nông dân nhận ruộng cày và khẩn hoang... 3. Sự thịnh vượng của Trung Quốc dưới thời Đường. a. Tổ chức bộ máy nhà nước. - Bộ máy nhà nước được củng cố hoàn thiện hơn, cử người thân tín đi cai quản các địa phương, mở nhiều khoa thi để tuyển chọn nhân tài. b. Chính sách đối ngoại. - Tiến hành mở rộng lãnh thổ bằng các cuộc chiến tranh xâm lược: Triều Tiên, Nội Mông, Đại Việt... c. Tình hình kinh tế. - Thi hành nhiều biện pháp giảm tô, lấy ruộng công và ruộng bỏ hoang chia cho nông dân - Thực hiện chế độ quân điền, do đó sản xuất phát
---	--

	triển. -> Kinh tế phồn thịnh
<u>Hoạt động 2:</u> <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</i>	<u>Câu 1:</u> Tần Thủy Hoàng đã thi hành những chính sách gì để cai trị đất nước? A. Chia đất nước thành quận, huyện để cai trị, thi hành chế độ cai trị rất hà khắc. B. Giảm tô thuế cho nhân dân và nông nô. C. Chia đất nước thành các quận, huyện để dễ quản lí, khuyến khích nhân dân. D. Chia đất nước thành các quận, huyện, cử quan lại trực tiếp quản lí. <u>Câu 2:</u> Vì sao chế độ phong kiến nhà Tần lại bị sụp đổ? A. Vì Tần Thủy Hoàng chia đất nước thành quận huyện B. Vì Tần Thủy Hoàng ăn chơi sa đọa C. Vì Tần Thủy Hoàng là một ông vua tàn bạo, bóc lột nhân dân. D. Vì Tần Thủy Hoàng bóc lột nhân dân. <u>Câu 3:</u> Tại sao đến thời nhà Đường kinh tế ổn định và phát triển? A. Vì có bộ máy nhà nước được củng cố nền độc lập. B. Vì có nhiều biện pháp để khai hoang, phát triển nông nghiệp. C. Vì nhà nước ổn định và phát triển không ngừng D. Vì kinh tế phát triển, xã hội được ổn định. <u>Câu 4:</u> Xã hội phong kiến Trung Quốc xuất hiện hai giai cấp nào? A. Địa chủ, tá điền B. Địa chủ, nông nô. C. Quý tộc, nông dân D. Quý tộc, nông nô

2. Học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh:

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Lịch sử 7	BÀI 1: SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA XÃ HỘI PHONG KIẾN CHÂU ÂU	1. 2. 3.
	BÀI 2: SỰ SUY VONG CỦA CHẾ ĐỘ PHONG KIẾN VÀ SỰ HÌNH THÀNH CNTB Ở CHÂU ÂU	1. 2. 3.
	BÀI 3: CUỘC ĐẤU TRANH CỦA GIAI CẤP TƯ SẢN CHỐNG PHONG KIẾN THỜI HẬU KÌ TRUNG ĐẠI	1. 2. 3.
	Bài 4: TRUNG QUỐC THỜI PHONG KIẾN	1. 2. 3.

NỘI DUNG HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC TUẦN 1 MÔN ĐỊA LÝ 7

(Từ ngày 6/9 đến ngày 11/9)

(Đối với học sinh không thể học tập trực tuyến)

5. Giáo viên biên soạn Tài liệu học tập và Phiếu hướng dẫn học sinh tự học

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp	Phần 1: Thành phần nhân văn của môi trường Bài 1: Dân số
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	Dựa vào SGK Địa lý, trang 3,4,5, HS hãy nghiên cứu nội dung sau: 1. Dân số, nguồn lao động: + quan sát 2 tháp tuổi ở hình 1.1, trả lời 2 câu hỏi phần in nghiêng, trang 3 SGK. 2. Dân số thế giới tăng nhanh trong thế kỷ XIX và thế kỷ XX. - Dân số thế giới tăng chậm khoảng thời gian nào? vì sao? - Dân số thế giới tăng nhanh trong giai đoạn nào? cho biết nguyên nhân? Hậu quả khi dân số tăng nhanh? 3. Sự bùng nổ dân số: - Bùng nổ dân số là gì? xảy ra khi nào? - Nguyên nhân dẫn đến bùng nổ dân số ở các nước đang phát triển? Hậu quả bùng nổ dân số? Cho giải pháp?
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	HS nắm được đặc điểm về dân số, nguồn lao động, sự bùng nổ dân số. HS liên hệ thực tế nơi mình đang sinh sống dân số tăng quá nhanh sinh ra hậu quả gì cho gia đình và xã hội.

6. Giáo viên hướng dẫn học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Địa lý		

GỢI Ý HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

(Đối với học sinh không thể học tập trực tuyến)

1. Giáo viên biên soạn Tài liệu học tập và Phiếu hướng dẫn học sinh tự học

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp	BÀI 2: SỰ PHÂN BỐ DÂN CƯ. CÁC CHỦNG TỘC TRÊN THẾ GIỚI- ĐỊA LÝ 7.
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	HS nghiên cứu nội dung SGK trang 7,8,9 và quan sát h2.2, trả lời các câu hỏi sau. 1.Sự phân bố dân cư: + Những khu vực tập trung đông dân. + Hai khu vực có mật độ dân số cao nhất. + giải thích? 2.Các chủng tộc : + Kể tên các chủng tộc trên thế giới ? + Phân biệt các chủng tộc trên thế giới. + Việt Nam thuộc chủng tộc nào? HS: ghi nhớ phần chữ màu đỏ cuối bài.
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	Học sinh: nắm rõ sự phân bố dân cư trên thế giới không đều. Phân biệt được các chủng tộc trên trái đất.

2. Giáo viên hướng dẫn học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Địa lý		

NỘI DUNG HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC TUẦN 1 - MÔN GD CD 7

(Từ ngày 6/9 đến ngày 11/9)

GIÁO VIÊN SOẠN BÀI: TRẦN NGỌC HÂN

(Đối với học sinh không thể học tập trực tuyến)

7. Tài liệu học tập và Phiếu hướng dẫn học sinh tự học

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

NỘI DUNG	GHI CHÚ
TUẦN 1 - TIẾT 1 - BÀI 1: SỐNG GIẢN DỊ	
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	- Nguồn tài liệu: Sách GD CD 7 Hanhtrangso.nxbgd.vn - Đọc thông tin truyện đọc Sgk – Tr3,4 Trong lúc đọc Hs chú ý gạch dưới chi tiết biểu hiện cách ăn mặc, tác phong và lời nói của Bác. - Và trả lời các câu hỏi: Em có nhận xét gì về cách ăn mặc, tác phong và lời nói của Bác? - Đọc Nội dung bài học Sgk - Tr4,5 và gạch dưới những từ khóa. - Và trả lời các câu hỏi: 1. Em hiểu thế nào là sống giản dị? 2. Tìm 3 biểu hiện của lối sống giản dị và 3 biểu hiện trái với giản dị. 3. Theo em, người sống giản dị sẽ nhận được điều gì ở mọi người xung quanh?
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	HS hoàn thành các BT sau: Câu 1. Bài tập a Sgk – Tr5 Câu 2. Trong các biểu hiện sau đây, biểu hiện nào nói lên tính giản dị a. Diễn đạt dài dòng, dùng nhiều từ cầu kỳ, bóng bẩy b. Lời nói ngắn gọn, dễ hiểu c. Nói năng cộc lốc, trống không

	d. Làm việc gì cũng sơ sài, qua loa e. Đối xử với mọi người luôn chân thành, cởi mở f. Thái độ khách sáo, kiêu cách g. Tổ chức sinh nhật linh đình Câu 3: Tìm các câu ca dao, tục ngữ, danh ngôn về Tính giản dị
--	--

8. Học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Trường:

Lóp:

Họ tên học sinh:

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
GDCD 7	Bài 1: SỐNG GIẢN DỊ	1/
		2/
		3/

TÀI LIỆU

Bài 1

SỐNG GIẢN DỊ

1 TRUYỆN ĐỌC

Bác Hồ trong ngày Tuyên ngôn Độc lập

Sáng sớm tinh mơ ngày 2 tháng 9 năm 1945, từ các làng ngoại thành và các tỉnh quanh Thủ đô Hà Nội, gần một triệu người tay cầm cờ, hoa, biểu ngữ đã trùng trùng điệp điệp kéo về Quảng trường Ba Đình, tràn ngập cả những đường phố xung quanh. Dưới bầu trời mùa thu trong xanh, lá cờ đỏ sao vàng hiên ngang phấp phới trên lễ đài như vẫy gọi, chào đón đàn con yêu của đất nước.

Trong buổi lễ long trọng, người dân Việt Nam náo nức chờ đợi được thấy Lãnh tụ, vị Chủ tịch đầu tiên của nước Cộng hoà mới. Trong trí tưởng tượng của mọi người, vị Chủ tịch nước đầu tiên sẽ không mặc áo hoàng bào, thắt đai khảm ngọc như một vị Hoàng đế ngày xưa, nhưng nhất định phải ăn mặc sang trọng và đầy vẻ uy nghiêm.

Nhưng khi Chủ tịch Hồ Chí Minh xuất hiện trên lễ đài, mọi người đã vô cùng ngạc nhiên. Chủ tịch Hồ Chí Minh cười đôn hậu, vẫy chào đông bào, thân mật giản dị như một người cha hiền về với đàn con. Bác mặc bộ quần áo ka-ki, đội mũ vải đã bạc màu và đi đôi dép cao su bình dị. Cả một biển người xao động, hò reo như sấm dậy, ai cũng cố ngẩng cao lên để nhìn cho rõ Người. Nhiều người không cầm được nước mắt vì sung sướng, cảm động khi được nhìn thấy Bác Hồ.

“Tôi nói đồng bào nghe rõ không?”

Với giọng nói ấm áp, gần gũi, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xoá tan tất cả những gì còn xa cách giữa vị Chủ tịch nước với mọi người và Người thật sự là vị “Cha già” kính yêu của dân tộc Việt Nam.

(Theo *Bác Hồ kính yêu*
NXB Kim Đồng, Hà Nội, 1977)



Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc *Tuyên ngôn Độc lập* ngày 2-9-1945,
khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà
(Ảnh : Thông tấn xã Việt Nam)

Gợi ý

- a) Em có nhận xét gì về trang phục, tác phong và lời nói của Bác Hồ trong truyện đọc trên ?
- b) Theo em, trang phục, tác phong và lời nói của Bác đã có tác động như thế nào tới tình cảm của nhân dân ta ? Em hãy tìm thêm những ví dụ khác nói về sự giản dị của Bác Hồ.
- c) Tính giản dị còn biểu hiện ở những khía cạnh nào khác trong cuộc sống ? Lấy ví dụ minh hoạ.
- d) Sống giản dị có tác dụng gì trong cuộc sống của chúng ta ?

② NỘI DUNG BÀI HỌC

- a) Sống giản dị là sống phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của bản thân, gia đình và xã hội, biểu hiện ở chỗ : không xa hoa lãng phí ; không cầu kì, kiểu cách.

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ
ĐỒNG KHƠI

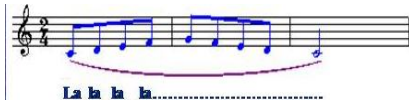
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC TẬP MÔN ÂM NHẠC
KHỐI 7 – tuần 1 (6/9/2021 đến 11/9/2022)

Năm học: 2021 – 2022

GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN: TRẦN THỊ ÁI THỦY

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tiết 1- tuần 1 (6/9 đến 10/9) - Học bài hát: MÁI TRƯỜNG MẾN YÊU	
Hoạt động 1: Tìm hiểu bài hát - Nghe bài hát	- Các em nghe bài hát Mái trường mến yêu từ địa chỉ web: https://coccoc.com/search?query=m%C3%A1i%20tr%C6%B0%EB%9Dng%20m%E1%BA%BFn%20y%C3%AAu%20l%E1%BB%9Bp%207 - Trong qua trình nghe, các em vừa xem SGK bài hát Mái trường mến yêu
- Các câu hỏi tìm hiểu bài hát Mái trường mến yêu LÊ QUỐC THẮNG 	- Các em hãy trả lời các câu hỏi sau: 1. Bài hát có tính chất, thể hiện cảm xúc thế nào? 2. Bài hát viết ở nhịp gì? 3. Bài hát được chia làm mấy đoạn? Câu trả lời: + Tốc độ Vừa phải, Tình cảm + Bài hát được viết ở nhịp 4/4 (nhịp C). + Bài hát được chia làm 2 đoạn. - Tìm hiểu về nhạc sĩ Lê Quốc Thắng: ✓ Ông tốt nghiệp Nhạc viện Thành phố Hồ Chí Minh chuyên ngành Sáng tác. ✓ Ông tham gia hoạt động âm nhạc trong phong

	trào thiếu niên thành phố. 1996-1997, tham gia công tác giảng dạy âm nhạc tại Trường huấn luyện cán bộ thanh niên Thành phố Hồ Chí Minh. Làm biên tập âm nhạc cho Saigon Audio và hiện nay là Giám đốc Trùng Dương Audio-Video. ✓ Một số tác phẩm chính: Phố xa, Tình xanh, Búp bê bằng bông, Nụ cười hồng, Mái trường mến yêu... - Nội dung bài hát: Bài hát thể hiện tình cảm của người học sinh với thầy cô, với mái trường thân yêu.
Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới	- Trước khi bắt đầu tập từng câu, các em hãy hít thở sâu, luyện thanh bằng mẫu âm sau:  - Sau đó, các em hãy mở lại clip youtube cô đã ghi chú ở trên và bấm dừng sau mỗi câu nhạc, nghe và hát lại theo cho đến khi hát được. - Cấu trúc câu của bài hát như sau: ✓ Đoạn 1: + Ôi hàng cây xanh thắm dưới trường mến yêu/ Có loài chim đang hót vang hòa tựa như nói. + Vì hạnh phúc tuổi thơ và cho đời thêm sức sống/ Thầy dìu dắt chúng em với tấm lòng thiết tha. + Khi bình minh hé sáng phố phường còn ngủ yên/ Khi giọt sương long lanh vẫn còn đọng trên lá. + Thầy bước đến trường em mang 1 tình yêu ước mơ/ Cho từng ánh mắt trẻ thơ, cho từng khúc nhạc dịu êm. ✓ Đoạn 2: + Như..thời gian êm đềm theo tháng năm,/ Như..dòng sông gợn đều theo cơn gió.

	+ Mang tình yêu của thầy đến với chúng em./ Để dựng xây quê hương tương lai sáng ngời.
Hoạt động 3: Luyện tập	- Các em hát lại toàn bài theo nhạc mẫu trong clip đến khi thuần thục. - Các em kết hợp với vỗ tay khi hát bài hát.
Nội dung ghi tập	Các em ghi vào tập những nội dung sau: Bài 1- Tiết 1: Học hát: MÁI TRƯỜNG MẾN YÊU <i>Nhạc và lời: Lê Quốc Thắng</i> 1. Tìm hiểu bài: - Nhịp 4/4 - Tính chất bài hát: Vừa phải, tình cảm - Nội dung: Bài hát thể hiện tình cảm mến yêu thầy cô, mái trường của các em học sinh 2. Học hát: Mái trường mến yêu (sau đó chép lại lời bài hát)

HS GHI CHÉP CÁC CÂU HỎI THẮC MẮC, CÁC TRỞ NGẠI KHI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ HỌC TẬP VÀ GỬI VỀ CHO GIÁO VIÊN GIẢNG DẠY

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Âm nhạc	Mục A: Phần B:	1. 2. 3.

b) Giản dị là phẩm chất đạo đức cần có ở mỗi người. Người sống giản dị sẽ được mọi người xung quanh yêu mến, cảm thông và giúp đỡ.

- Tục ngữ : *Tốt gỗ hơn tốt nước sơn.*
- Danh ngôn : *"Trang bị quý nhất của một người là khiêm tốn và giản dị".*

Ph. Ăng-ghen

3 BÀI TẬP

a) Trong các tranh sau đây, theo em, bức tranh nào thể hiện tính giản dị của học sinh khi đến trường ? Vì sao ?



PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC TẬP MÔN MĨ THUẬT
KHỐI 7 – tuần 1 (6/9/2021 đến 11/9/2022)

Năm học: 2021 – 2022

GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN: ĐINH THỊ CẨM NHUNG

NỘI DUNG	GHI CHÚ
CHỦ ĐỀ 1: SƠ LƯỢC MĨ THUẬT THỜI TRẦN	
Tiết 1- tuần 1 (6/9 đến 10/9) - Học bài : Sơ lược mỹ thuật thời Trần	
Hoạt động 1: Ổn định , kiểm tra, giới thiệu bài mới	- Ổn định : kiểm tra sĩ số - Kiểm tra : mỹ thuật Lý ? - Giới thiệu bài mới : mỹ thuật thời Trần
Hoạt động 2 tìm hiểu vài nét về bối cảnh xã hội	Sau khi thay thế quyền lãnh đạo đất nước từ nhà Lý, nhà Trần đã có nhiều chính sách tiến bộ để củng cố và xây dựng đất nước. Với 3 lần chiến thắng quân Mông Nguyên đã thúc đẩy tinh thần dân tộc, đất nước giàu mạnh, tạo điều kiện cho nghệ thuật phát triển.
Hoạt động 3: tìm hiểu vài nét về mỹ thuật thời Trần	1. Kiến trúc a) Kiến trúc cung đình: Ngoài việc tu bổ lại kinh thành Thăng Long, nhà Trần còn cho xây dựng nhiều khu cung điện (Thiên Trường – Nam Định) và lăng mộ (An Sinh – Quảng Ninh). b) Kiến trúc Phật giáo: Giai đoạn này nhiều ngôi chùa với quy mô lớn được xây dựng ở nhiều nơi. Ngoài ra kiến

	trúc chùa làng cũng rất phát triển. 2. Điều khắc và chạm khắc trang trí - Tượng Phật và tượng thú vật được tạc nhiều dùng để thờ phụng. Chạm khắc trang trí cho những công trình kiến trúc, chạm khắc gỗ, đá đạt đến sự tinh xảo và hoàn mỹ. Ròng thời Trần có cách tạo hình mập mạp hơn so với Ròng thời Lý. 3. Đồ gốm - Gốm thời Trần so với gốm thời Lý có đáng thô, dày và nặng hơn. Nét vẽ phóng khoáng, họa tiết trang trí thường là hoa sen, hoa cúc...
Hoạt động 4: tìm hiểu đặc điểm mỹ thuật thời Trần	- Mỹ thuật thời Trần mang dáng dấp chắc khỏe, phóng khoáng, cách tạo hình mập mạp và giàu tính dân tộc. - Mỹ thuật thời trần kế thừa tinh hoa của mỹ thuật thời lí nhưng hiện thực, giản dị và đơn hậu hơn
Nội dung ghi tập	Các em ghi vào tập những nội dung sau: Chủ đề 1: Sơ lược mỹ thuật thời Trần Tiết 1: Học bài: SƠ LƯỢC MỸ THUẬT THỜI TRẦN I Bối cảnh xã hội Sau khi thay thế quyền lãnh đạo đất nước từ nhà Lý, nhà Trần đã có nhiều chính sách tiến bộ để củng cố và xây dựng đất nước. Với 3 lần chiến thắng quân Mông Nguyên đã thúc đẩy tinh thần dân tộc, đất nước giàu mạnh, tạo điều

	kiện cho nghệ thuật phát triển. II Mỹ thuật thời Trần: 1. Kiến trúc a) Kiến trúc cung đình: Ngoài việc tu bổ lại kinh thành Thăng Long, nhà Trần còn cho xây dựng nhiều khu cung điện (Thiên Trường – Nam Định) và lăng mộ (An Sinh – Quảng Ninh). b) Kiến trúc Phật giáo: Giai đoạn này nhiều ngôi chùa với quy mô lớn được xây dựng ở nhiều nơi. Ngoài ra kiến trúc chùa làng cũng rất phát triển. 2. Điêu khắc và chạm khắc trang trí - Tượng Phật và tượng thú vật được tạc nhiều dùng để thờ phụng. Chạm khắc trang trí cho những công trình kiến trúc, chạm khắc gỗ, đá đạt đến sự tinh xảo và hoàn mỹ. Ròng thời Trần có cách tạo hình mập mạp hơn so với Ròng thời Lý. 3. Đồ gốm - Gốm thời Trần so với gốm thời Lý có dáng thô, dày và nặng hơn. Nét vẽ phóng khoáng, họa tiết trang trí thường là hoa sen, hoa cúc... III Đặc điểm mỹ thuật thời trần - Mỹ thuật thời Trần mang dáng dấp chắc khỏe, phóng khoáng, cách tạo hình mập mạp và giàu tính dân tộc.
--	---

	- Mĩ thuật thời trần kế thừa tinh hoa của mĩ thuật thời lí nhưng hiện thực, giản dị và đơn hậu hơn 3. Học bài: Sơ lược mĩ thuật thời Trần
--	---

HS GHI CHÉP CÁC CÂU HỎI THẮC MẮC, CÁC TRỞ NGẠI KHI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ HỌC TẬP VÀ GỬI VỀ CHO GIÁO VIÊN GIẢNG DẠY

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Mĩ thuật	Mục A: Phần B:	1. 2. 3.

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC – LỚP 7
CHƯƠNG I: ĐẠI CƯƠNG VỀ KỸ THUẬT TRỒNG TRỌT
BÀI 1,2: VAI TRÒ, NHIỆM VỤ CỦA TRỒNG TRỌT
KHÁI NIỆM VÀ THÀNH PHẦN ĐẤT TRỒNG
GV NGUYỄN THỊ HỒNG NGÂN

❖ Các em ghi vào tập những nội dung in đậm

I. Vai trò của trồng trọt.

Dựa vào hình 1 SGK trang 5 trả lời câu hỏi: Trồng trọt có vai trò gì trong nền kinh tế?

- **Cung cấp lương thực thực phẩm cho con người**
- **Cung cấp thức ăn cho chăn nuôi**
- **Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến**
- **Cung cấp nông sản cho xuất khẩu**

II. Nhiệm vụ của trồng trọt

Hoàn thành bài tập SGK trang 6, dựa vào vai trò của trồng trọt, em hãy xác định nhiệm vụ nào dưới đây làm nhiệm vụ trồng trọt

Một số biện pháp	Mục đích
Khai hoang, lấn biển	
Tăng vụ trên đơn vị diện tích đất trồng	
Áp dụng đúng biện pháp kỹ thuật trồng trọt	

⇒ **Nhiệm vụ của trồng trọt: Đảm bảo lương thực thực phẩm cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.**

III. Những biện pháp để thực hiện nhiệm vụ

Hoàn thành mẫu bảng về mục đích của các biện pháp vào SGK trang 6

⇒ **Biện pháp để thực hiện nhiệm vụ trồng trọt là khai hoang lấn biển, tăng vụ, áp dụng biện pháp kỹ thuật tiên tiến.**

IV. Khái niệm đất trồng (bài 2)

- **Đất trồng là lớp bề mặt tơi xốp của vỏ Trái Đất, trên đó cây trồng có thể sinh sống và sản xuất ra sản phẩm**

Dựa vào hình 2a, 2b (SGK trang 7) hoàn thành bảng so sánh giữa trồng cây trong môi trường đất và môi trường nước

	Môi trường đất	Môi trường nước
--	----------------	-----------------

Giống nhau		
Khác nhau		

⇒ **Đất trồng là môi trường cung cấp nước, chất dinh dưỡng, oxi cho cây và giúp cây không bị đổ.**

V. Thành phần của đất trồng

Dựa vào sơ đồ 1 và kiến thức sinh học 6, em hãy điền vào bảng dưới đây về vai trò từng thành phần của đất trồng

Các thành phần của đất trồng	Vai trò đối với cây trồng
Phần khí	
Phần rắn	
Phần lỏng	

⇒ **Đất trồng gồm 3 phần: khí, lỏng, rắn.**

BÀI TẬP Củng Cố

Câu 1: Vai trò của trồng trọt là:

- A. Cung cấp lương thực, thực phẩm cho con người; cung cấp thức ăn cho vật nuôi
- B. Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp
- C. Cung cấp nông sản cho sản xuất
- D. Tất cả các ý trên

Câu 2: Biện pháp nào sau đây thực hiện trong trồng trọt?

- A. Khai hoang, lấn biển, tăng vụ, áp dụng biện pháp khoa học kỹ thuật
- B. Cày đất
- C. Bón phân hạ phèn
- D. Bón phân hữu cơ

Câu 3: Khai hoang, lấn biển nhằm mục đích gì?

- A. Tăng sản lượng nông sản
- B. Tăng vụ trên đơn vị diện tích đất trồng
- C. Tăng chất lượng nông sản

D. Tăng diện tích đất trồng

Câu 10: Sự khác biệt giữa đất trồng và đá?

A. Nước

B. Độ phì nhiêu

C. Ánh sáng

D. Độ ẩm

Câu 5: Đặc điểm của phần khí là:

A. là không khí có ở trong khe hở của đất

B. gồm thành phần vô cơ và thành phần hữu cơ

C. có tác dụng hòa tan chất dinh dưỡng

D. chiếm 92 – 98%

BÀI 3. MỘT SỐ TÍNH CHẤT CHÍNH CỦA ĐẤT TRỒNG

I. Thành phần cơ giới của đất là gì

Thành phần cơ giới của đất được tạo nên bởi: tỉ lệ % các thành phần vô cơ và hữu cơ.

Căn cứ vào tỉ lệ các loại hạt trong đất, người ta chia đất làm 3 loại chính: đất cát, đất thịt, đất sét. Giữa các loại đất này còn có các loại đất trung gian như: đất cát pha, đất thịt nhẹ, ...

⇒ **Tỉ lệ % các hạt: cát limon, sét quyết định thành phần cơ giới của đất**

II. Thế nào là độ chua, độ kiềm của đất?

Độ chua, độ kiềm của đất được đo bằng độ pH. Trị số pH dao động từ 0 đến 14.

- Đất thường có trị số pH từ 3 đến 9.

- Người ta xác định đất chua, kiềm và trung tính để có kế hoạch sử dụng và cải tạo.

⇒ **Căn cứ vào độ pH, người ta chia đất thành đất chua, đất kiềm và đất trung tính**

III. Khả năng giữ nước và chất dinh dưỡng của đất

Đất có khả năng giữ nước và chất dinh dưỡng là nhờ các hạt cát, limon, sét và chất mùn. Đất chứa nhiều hạt có kích thước càng bé, đất càng chứa nhiều mùn, khả năng giữ nước và chất dinh dưỡng càng tốt.

Em hãy điền vào vở bài tập dấu x vào cột tương ứng về khả năng giữ nước và chất dinh dưỡng của từng loại đất theo mẫu bảng sau:

Đất	Khả năng giữ nước và chất dinh dưỡng		
	Tốt	Trung bình	Kém
Cát			
Thịt			
Sét			

IV. Độ phì nhiêu của đất là gì?

Độ phì nhiêu là khả năng của đất cung cấp đủ nước, oxi và chất dinh dưỡng cần thiết cho cây trồng đảm bảo năng suất cao, và không có chất có hại cho cây

Độ phì nhiêu của đất là một trong những yếu tố quyết định năng suất cây trồng.

BÀI TẬP Củng Cố

Câu 1: Đất nào là đất trung tính:

- A. pH < 6.5
- B. pH > 6.5
- C. pH > 7.5
- D. pH = 6.6 - 7.5

Câu 2: Đất kiềm là đất có pH là bao nhiêu?

- A. pH < 6,5
- B. pH = 6,6 - 7,5
- C. pH > 7,5
- D. pH = 7,5

Câu 3: Đất nào giữ nước tốt?

- A. Đất cát
- B. Đất sét

C. Đất thịt nặng

D. Đất thịt

Câu 4: Yếu tố nào quyết định thành phần cơ giới đất?

A. Thành phần hữu cơ và vô cơ

B. Khả năng giữ nước và dinh dưỡng

C. Thành phần vô cơ

D. Tỷ lệ các hạt cát, limon, sét có trong đất

Câu 5: Độ phì nhiêu của đất là gì?

A. Là khả năng cung cấp nước, dinh dưỡng, oxy cho cây

B. Là khả năng cung cấp muối khoáng

C. Là khả năng cung cấp nước

D. Là khả năng làm cây trồng cho năng suất cao

HS GHI CHÉP CÁC CÂU HỎI THẮC MẮC, CÁC TRỞ NGẠI KHI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ HỌC TẬP VÀ GỬI VỀ CHO GIÁO VIÊN GIẢNG DẠY

- Trường:
- Lớp:
- Họ tên học sinh:

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Công Nghệ 7	Mục I: Phần 1:	1. 2. 3.

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC TẬP MÔN THỂ DỤC
KHỐI 7 – tuần 1 (6/9/2021 đến 11/9/2022)

Năm học: 2021 – 2022

GV ĐÀO MẠNH NGHĨA

NỘI DUNG	GHI CHÚ
CHỦ ĐỀ 1: VUI BƯỚC ĐẾN TRƯỜNG	
	Tiết 1- tuần 1 (6/9 đến 10/9) Học bài : 1- Phòng tránh chấn thương khi tập hoạt động thể dục thể thao. - 2- Bài thể dục.
Hoạt động 1: -	- Không ăn no quá. Sau khi ăn khoảng 20 - 30 phút mới tập - Khởi động kỹ. Khởi động các cơ, khớp. - Hiểu nội dung bài tập. Hiểu luật môn thể thao mình tham gia.
Hoạt động 2 :	- Các em tập 3 động tác bài thể dục lớp 7: - Động tác vương thỏ, tay, chân. 4. Tham khảo SGK lớp 7. 5. Xem hình minh họa: - Nhịp 1 đến nhịp 4 bước chân trái trước. - Nhịp 5 đến nhịp 8 đổi bên (bước chân .phải)

Nội dung	Các em xem và tham khảo bài thể dục SGK LỚP 7 . 3 đồng tác kế tiếp
---------------------	--

HS GHI CHÉP CÁC CÂU HỎI THẮC MẮC, CÁC TRỞ NGẠI KHI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ HỌC TẬP VÀ GỬI VỀ CHO GIÁO VIÊN GIẢNG DẠY

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Âm nhạc	Mục A: Phần B:	1. 2. 3.

